

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HỌC MÔN
TRƯỜNG TIỂU HỌC NHỊ XUÂN

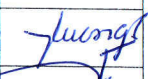
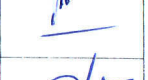
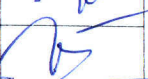
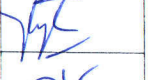
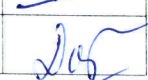
BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HỌC MÔN
TRƯỜNG TIỂU HỌC NHỊ XUÂN

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Tô Ngọc Thúy	Hiệu trưởng - Bí thư Chi bộ	Chủ tịch Hội đồng	
2	Nguyễn Thị Hồng Hiệp	Phó Hiệu trưởng Phó Bí thư Chi bộ	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Nguyễn Thị Tuyết Hương	Giáo viên	Thư ký Hội đồng	
4	Nguyễn Đình Hiền	Chủ tịch Công đoàn	Ủy viên Hội đồng	
5	Nguyễn Hoàng Đặng Ngọc Huyền	Tổng phụ trách Bí thư Chi đoàn	Ủy viên Hội đồng	
6	Nguyễn Hà Hồng Phúc	Tổ trưởng Khối 1	Ủy viên Hội đồng	
7	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Tổ trưởng Khối 2	Ủy viên Hội đồng	
8	Trần Nguyễn Minh Thư	Tổ trưởng Khối 3	Ủy viên Hội đồng	
9	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	Tổ trưởng Khối 4	Ủy viên Hội đồng	
10	Nguyễn Thị Thanh Thuý	Tổ trưởng Khối 5	Ủy viên Hội đồng	
11	Trần Thị Thanh Phương	Tổ trưởng Bộ môn	Ủy viên Hội đồng	
12	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	Tổ trưởng Văn phòng	Ủy viên Hội đồng	
13	Phạm Thị Điệp	Trưởng ban Thanh tra nhân dân	Ủy viên Hội đồng	

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	3
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	5
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	10
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	10
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	15
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	15
1. Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	15
1.1. Tiêu chí 1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	15
1.2. Tiêu chí 2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác.	17
1.3. Tiêu chí 3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.	19
1.4. Tiêu chí 4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.	21
1.5. Tiêu chí 5: Khối lớp và tổ chức lớp học.	23
1.6. Tiêu chí 6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.	25
1.7. Tiêu chí 7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.	27
1.8. Tiêu chí 8: Quản lý các hoạt động giáo dục.	29
1.9. Tiêu chí 9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.	30
1.10. Tiêu chí 10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.	32
2. Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	35
2.1. Tiêu chí 1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.	35
2.2. Tiêu chí 2: Đối với giáo viên.	37

2.3. Tiêu chí 3: Đối với nhân viên.	39
2.4. Tiêu chí 4: Đối với học sinh.	42
3. Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học	44
3.1. Tiêu chí 1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập.	45
3.2. Tiêu chí 2: Phòng học.	47
3.3. Tiêu chí 3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính – quản trị.	49
3.4. Tiêu chí 4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước.	50
3.5. Tiêu chí 5: Thiết bị.	52
3.6. Tiêu chí 6: Thư viện.	54
4. Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	57
4.1. Tiêu chí 1: Ban đại diện cha mẹ học sinh.	58
4.2. Tiêu chí 2: Công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức cá nhân của nhà trường.	60
5. Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	63
5.1. Tiêu chí 1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường.	64
5.2. Tiêu chí 2: Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.	66
5.3. Tiêu chí 3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác.	69
5.4. Tiêu chí 4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học.	70
5.5. Tiêu chí 5: Kết quả giáo dục.	72
II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4	75
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	75
Phần IV. PHỤ LỤC	76

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x		
Tiêu chí 1.2		x		
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x		
Tiêu chí 1.5		x		
Tiêu chí 1.6		x		
Tiêu chí 1.7		x		
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	
Tiêu chí 2.2		x		
Tiêu chí 2.3		x		
Tiêu chí 2.4		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	
Tiêu chí 3.2		x		
Tiêu chí 3.3		x		
Tiêu chí 3.4		x	x	
Tiêu chí 3.5		x		
Tiêu chí 3.6		x	x	x

Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X		
Tiêu chí 5.2		X	X	
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X	X	X
Tiêu chí 5.5		X	X	X

Kết quả: Đạt Mức 1.

2. Kết luận: Trường đạt Mức 1.

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Tiểu học Nhị Xuân.

Tên trước đây: Trường Phổ thông cấp 1, 2 Nhị Xuân.

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn.

Thành phố	Hồ Chí Minh	Họ và tên hiệu trưởng	Tô Ngọc Thúy
Huyện	Hóc Môn	Điện thoại	028.37139171
Xã	Xuân Thới Sơn	Fax	Không
Đạt chuẩn quốc gia	Không	Website	http://thnhixuan.hcm.edu.vn
Năm thành lập	1996	Số điểm trường	01
Công lập	X	Loại hình khác	Không
Tư thục	Không	Thuộc vùng khó khăn	Không
Trường chuyên biệt	Không	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
Khối lớp 1	05	04	04	09	09
Khối lớp 2	04	05	04	04	09
Khối lớp 3	03	04	05	04	05
Khối lớp 4	04	03	04	05	05
Khối lớp 5	04	04	03	04	06
Cộng	20	20	20	26	34

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	16	16	16	49	49	
1	Phòng học	15	15	15	40	40	
a	Phòng kiên cố	0	0	0	40	40	
b	Phòng bán kiên cố	13	13	13	0	0	
c	Phòng tạm	02	02	02	0	0	
2	Phòng học bộ môn	01	01	01	07	07	
a	Phòng kiên cố	0	0	0	07	07	
b	Phòng bán kiên cố	01	01	01	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
3	Khối phục vụ học tập	0	0	0	02	02	
a	Phòng kiên cố	0	0	0	02	02	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng hành chính - quản trị	01	01	01	11	11	
1	Phòng kiên cố	0	0	0	11	11	
2	Phòng bán kiên cố	01	01	01	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	

III	Thư viện	01	01	01	01	01	
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác	0	0	0	07	07	
	Cộng	18	18	18	68	68	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: Tháng 2 năm 2023

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	0	0	01	0	
Phó hiệu trưởng	01	01	0	0	01	0	
Giáo viên	41	40	0	02	39	0	HĐK: 04
Nhân viên	07	05	0	04	01	02	HĐK: 06
Cộng	50	47	0	06	42	02	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
1	Tổng số giáo viên	24	26	26	27	41
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	1,2	1,3	1,3	1,0	1,2
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0,03	0,02	0,02	0,02	0,03
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện và tương đương	01	0	01	0	02
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên	0	0	0	0	0
6	Các số liệu khác	0	0	0	0	0

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
1	Tổng số học sinh	956	956	945	1133	1370
	- Nữ	457	457	444	529	653
	- Dân tộc	28	32	35	39	40
	- Khối lớp 1	231	192	179	325	345
	- Khối lớp 2	193	225	188	186	330
	- Khối lớp 3	145	196	233	189	207
	- Khối lớp 4	203	143	199	234	228
	- Khối lớp 5	184	200	146	199	260
2	Tổng số tuyển mới	234	196	179	325	345
3	Học 2 buổi/ngày	507	505	483	1133	1370
4	Bán trú	507	494	448	948	1195
5	Nội trú	0	0	0	0	0
6	Bình quân số học sinh/lớp học	47,80	47,80	47,25	43,58	40,29
7	Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi	947/956 99,06%	937/956 98,01%	939/945 99,37%	1121/1133 98,94 %	1366/1370 99,70%
	- Nữ	453	452	438	525	651
	- Dân tộc	14	18	18	38	40
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh	0	0	0	0	0
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia	0	0	0	0	0
10	Tổng số học	0	0	0	17	16

	sinh thuộc đối tượng chính sách					
	- Nữ	0	0	0	07	16
	- Dân tộc	0	0	0	0	0
11	Tổng số học sinh có hoàn cảnh đặc biệt	0	0	0	0	0

b) Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và kết quả giáo dục (đối với tiểu học)

Số liệu	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Ghi chú
Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1.	100%	100%	100%	100%	100%	
Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học.	98,47%	98,43%	97,59%	98,68%	98,98%	
Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học.	95,17%	100%	100%	100%	100%	
Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học.	100%	100%	100%	100%	100%	

5. Các số liệu khác (nếu có): Không có.

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Tiểu học Nhị Xuân, huyện Hóc Môn là tiền thân của Trường Phổ thông cấp 1, 2 Nhị Xuân. Từ năm học 1996-1997, trường được đổi tên là Trường Tiểu học Nhị Xuân theo Quyết định số 81/QĐ-UB-TH ngày 27 tháng 3 năm 1996 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn về việc đổi tên Trường phổ thông cấp 1, 2 Nhị Xuân thành Trường Tiểu học Nhị Xuân theo Nghị định số 90/CP ngày 24 tháng 11 năm 1993 của Chính phủ.

Trường Tiểu học Nhị Xuân tọa lạc tại số 8B Nguyễn Văn Bứa, ấp 5, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn. Năm học 2021-2022, được sự quan tâm của lãnh đạo huyện, địa phương Trường Tiểu học Nhị Xuân xây mới tại địa chỉ số 03, đường Xuân Thới Sơn 10B, ấp 5, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn.

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đoàn kết, nêu cao tinh thần trách nhiệm, phấn đấu vì nhiệm vụ chung. Chi bộ Trường Tiểu học Nhị Xuân hoạt động dưới sự quản lý của Đảng ủy xã Xuân Thới Sơn. Các đảng viên luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, có năng lực tập hợp quần chúng. Các đoàn thể hoạt động tốt, hỗ trợ đắc lực cho mọi hoạt động của nhà trường. Học sinh có ý thức phấn đấu trong học tập và tham gia tích cực các phong trào.

Khuôn viên trường khang trang, thoáng mát với tổng diện tích đất là 12611,7 m², diện tích xây dựng là 9840m². Bên cạnh đó, nhà trường luôn phát huy vai trò tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục tại đơn vị. Các ban ngành đoàn thể địa phương luôn quan tâm hỗ trợ nhà trường về mọi mặt. Ban đại diện cha mẹ học sinh nhiệt tình trong việc phối hợp với nhà trường để giáo dục học sinh. Chi hội Khuyến học của nhà trường hoạt động có hiệu

quả.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, trường đã đạt một số thành tích như sau: Năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023: Trường đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, năm học 2021-2022 “Bằng khen của Ủy ban Nhân dân Thành phố”; Công đoàn “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”; Chi đoàn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”; Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh đạt danh hiệu “Liên đội hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”. Năm 2018, 2019, 2020, 2021 chi bộ đạt “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”, năm 2022 “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”.

2. Mục đích tự đánh giá

Mục đích của tự đánh giá là nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng của cơ sở giáo dục phổ thông, để đánh giá thực trạng giáo dục của nhà trường. Qua đó, cơ quan chức năng đánh giá và công nhận nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Trong quá trình tự đánh giá nhà trường tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành nhằm không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục và đề đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục.

Trường Tiểu học Nhị Xuân, huyện Hóc Môn thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục trường tiểu học theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học, nhằm xác định mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn; lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường. Từ đó, phân tích đánh giá được mặt mạnh và mặt yếu để đưa ra kế hoạch cải tiến chất lượng, khắc phục điểm yếu.

Sứ mệnh của nhà trường:

Bằng mọi hình thức giáo dục hữu hiệu, nhà trường thiết lập và cổ vũ cho một môi trường giáo dục mang tính nhân văn, giúp các em học sinh phát huy hết những năng lực tiềm ẩn của chính mình, với một khả năng ứng xử văn hóa giáo dục phù

hợp, với những cách thức giao tiếp lịch sự văn minh, tiếp thu nhanh chóng kiến thức mới mẻ, góp phần vào việc nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục quốc gia Việt Nam trong thời kỳ mới.

Với mục đích và nhận thức trên, Trường Tiểu học Nhị Xuân, huyện Hóc Môn đã triển khai, phổ biến quy trình tự đánh giá và yêu cầu các bộ phận, các cá nhân phối hợp thực hiện. Các hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục được triển khai trong toàn thể hội đồng nhà trường và tiến hành tự đánh giá cụ thể như sau:

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Trong quá trình tự đánh giá, Hội đồng Tự đánh giá của trường đã triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo và hướng dẫn thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục đến toàn thể các thành viên trong Hội đồng Giáo dục nhà trường; yêu cầu các bộ phận, đoàn thể, cá nhân phối hợp cùng thực hiện. gồm: Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường tiểu học theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT; Hướng dẫn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông; Thông tư số 27/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành Giáo dục. Nhà trường thực hiện quá trình tự đánh giá như sau:

- Ngày 16 tháng 9 năm 2022: Trường thành lập Hội đồng tự đánh giá. Lên kế hoạch tự đánh giá.

- Từ ngày 20 tháng 9 năm 2022 đến ngày 30 tháng 9 năm 2022: Họp Hội đồng tự đánh giá, thông qua kế hoạch tự đánh giá, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên.

- Từ ngày 01 tháng 10 năm 2022 đến ngày 08 tháng 10 năm 2022: Tập huấn nghiệp vụ cho Hội đồng tự đánh giá, phổ biến kế hoạch tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường.

- Từ ngày 10 tháng 10 năm 2022 đến ngày 12 tháng 11 năm 2022: Các nhóm công tác thu thập minh chứng và viết phiếu đánh giá tiêu chí. Mã hoá các minh chứng thu được.

- Từ ngày 14 tháng 11 năm 2022 đến ngày 22 tháng 11 năm 2022: Hội đồng tự đánh giá để thảo luận về những vấn đề nảy sinh từ các minh chứng thu được và xác định những minh chứng cần thu thập bổ sung. Điều chỉnh đề cương báo cáo tự đánh giá và xây dựng đề cương chi tiết.

- Từ ngày 23 tháng 11 năm 2022 đến ngày 06 tháng 12 năm 2022: Thu thập, xử lý thông tin bổ sung (nếu cần thiết). Thông qua đề cương chi tiết báo cáo tự đánh giá.

- Từ ngày 07 tháng 12 năm 2022 đến ngày 20 tháng 12 năm 2022: Dự thảo báo cáo tự đánh giá. Kiểm tra lại thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá.

- Từ ngày 21 tháng 12 năm 2022 đến ngày 05 tháng 01 năm 2023: Hội đồng tự đánh giá họp với giáo viên, nhân viên trong nhà trường để thảo luận dự thảo báo cáo tự đánh giá, xin các ý kiến đóng góp. Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá.

- Từ ngày 06 tháng 01 năm 2023 đến 13 tháng 01 năm 2023: Hội đồng tự đánh giá để thông qua bản báo cáo tự đánh giá đã sửa chữa. Công bố báo cáo tự đánh giá trong nội bộ nhà trường và thu thập các ý kiến đóng góp.

- Từ ngày 14 tháng 01 năm 2023 đến ngày 21 tháng 01 năm 2023: Xử lý các ý kiến đóng góp và hoàn thiện bản báo cáo tự đánh giá.

- Từ ngày 23 tháng 01 năm 2023 đến ngày 01 tháng 02 năm 2023: Công bố bản báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện (trong nội bộ nhà trường).

- Từ ngày 02 tháng 02 năm 2023 đến ngày 10 tháng 02 năm 2023: Tập hợp các ý kiến đóng góp cho quy trình tự đánh giá, các biểu mẫu và các phần khác của tài liệu hướng dẫn. Sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá, căn cứ các điều kiện theo quy định của Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, nhà trường tiến hành đăng ký

đánh giá ngoài với cơ quan quản lý trực tiếp.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

1. Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu

Trường Tiểu học Nhị Xuân, huyện Hóc Môn có cơ cấu tổ chức, quản lý và bộ máy nhà trường theo đúng quy định tại Điều lệ trường tiểu học. Các hội đồng, các tổ chức chính trị trong nhà trường đều có quyết định thành lập và hoạt động tích cực, mang lại hiệu quả thiết thực. Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức và thực hiện nhiệm vụ đúng quy định. Các tổ chức và bộ phận hoạt động dưới sự chỉ đạo trực tiếp của hiệu trưởng. Cán bộ quản lý và các tổ chức đoàn thể có sự phối hợp chặt chẽ, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Kế hoạch hoạt động của nhà trường được tổ chức một cách khoa học và thường xuyên; được theo dõi, kiểm tra, đánh giá một cách chính xác, công bằng, công khai và dân chủ. Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng cho các giáo viên, nhân viên trong trường nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, quản lý giáo dục và trình độ lý luận chính trị.

1.1. Tiêu chí 1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

Mức 1:

a) Phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các

phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1.1.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hiệu trưởng có xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường trong 5 năm; kế hoạch nêu được định hướng phát triển giáo dục từng giai đoạn dựa trên mục tiêu giáo dục quy định tại Luật Giáo dục, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Xuân Thới Sơn và tình hình thực tế của nhà trường [H1-1.1-01].

b) Kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường đã được Hội đồng trường thông qua và phê duyệt của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn [H1-1.1-01].

c) Kế hoạch chiến lược của nhà trường đã được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại phòng giáo viên và đăng trên trang thông tin điện tử của trường [H1-1.1-02].

Mức 2:

Các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa chi tiết, cụ thể.

Mức 3:

Việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển chưa thường xuyên, chưa kịp tiến độ.

1.1.2. Điểm mạnh

Kế hoạch xây dựng dựa trên đặc điểm tình hình thực tế của nhà trường. Được thảo luận đóng góp của tập thể giáo viên, nhân viên trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1.1.3. Điểm yếu

Nội dung kế hoạch còn nhiều điểm dự báo chưa cụ thể. Các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa chi tiết, cụ thể. Việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển chưa thường xuyên, chưa kịp tiến độ.

1.1.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024, Hiệu trưởng tiếp tục bổ sung, điều chỉnh kế hoạch phù hợp với tình hình mới và tăng dân số cơ học trên địa bàn cụ thể hơn. Xây dựng kế hoạch thực hiện định kỳ việc rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung nội dung trong chiến lược phát triển nhà trường.

1.1.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

1.2. Tiêu chí 2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác.

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1.2.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hội đồng trường được công nhận theo Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng trường được quy định theo Điều 10 Điều lệ trường tiểu học, các thành viên trong Hội đồng trường đạt yêu cầu về trình độ và thâm niên công tác [H1-1.2-01]. Hội đồng tư vấn và Hội đồng thi đua khen thưởng do hiệu trưởng thành lập vào mỗi đầu năm học, hiệu trưởng là Chủ tịch Hội đồng thi đua khen thưởng [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03].

b) Hội đồng trường thực hiện đầy đủ trách nhiệm và quyền hạn được giao theo Điều 10 Điều lệ trường tiểu học [H1-1-01-04]. Hội đồng thi đua khen thưởng có cơ cấu tổ chức và thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 12 Điều lệ trường tiểu học [H1-1.2-01]; [H1-1.2-03].

c) Các hoạt động của Hội đồng trường và các hội đồng khác được rà soát, đánh giá vào mỗi tháng trong các cuộc họp định kỳ [H1-1-01-04].

Mức 2:

Hoạt động góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, của các hội đồng đạt hiệu quả chưa cao.

1.2.2. Điểm mạnh

Các thành viên trong Hội đồng trường có chuyên môn vững vàng và được tập thể giáo viên tin nhiệm.

Trường có thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng tư vấn với số lượng thành viên và cơ cấu theo đúng quy định nhằm giúp việc cho hiệu trưởng trong các công tác có liên quan.

1.2.3. Điểm yếu

Các thành viên trong Hội đồng trường hoạt động chưa đều tay nên hiệu quả

hoạt động của hội đồng chưa cao.

1.2.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024, Hiệu trưởng phân công theo năng lực của từng thành viên trong hội đồng, để từng cá nhân có thể phát huy vai trò của mình và học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau thông qua các cuộc họp hội đồng trường.

1.2.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

1.3. Tiêu chí 3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1.3.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có đầy đủ các tổ chức chính trị và xã hội theo đúng Điều 13 Điều lệ trường tiểu học: Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh; Chi bộ Trường Tiểu học Nhị Xuân có 19 đảng viên gồm 18 đảng viên chính thức, 01 đảng viên dự bị. Chi bộ trường có chi ủy gồm 03 đồng chí. Tổ chức Công đoàn được thành lập và hoạt động theo Điều lệ Công đoàn gồm 50 công đoàn viên. Ban Chấp hành Công đoàn có 01 chủ tịch, 01 phó chủ tịch và 03 ủy viên. Chi đoàn gồm 06 đoàn viên, cơ cấu 01 bí thư chi đoàn. Tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh gồm 695 đội viên, 01 tổng phụ trách và Ban chỉ huy Liên đội gồm 07 đội viên [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

b) Các tổ chức và đoàn thể trong nhà trường hoạt động theo đúng điều lệ hiện hành. Các tổ chức, đoàn thể xây dựng kế hoạch, quy chế làm việc và triển khai thực hiện đầy đủ. Chất lượng hoạt động hằng năm của các đoàn thể trong nhà trường luôn được cấp trên đánh giá cao [H1-1.3-05].

c) Hằng năm, hoạt động của các đoàn thể trong nhà trường luôn sôi nổi, tích cực và được rà soát, đánh giá đạt hiệu quả cao. Các hoạt động của công đoàn, chi đoàn đều thực hiện báo cáo tổng kết và được cấp trên đánh giá, xếp loại hằng năm [H1-1.3-05]; [H1-1.3-06].

Mức 2:

a) Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam sinh hoạt ít nhất 1 lần/tháng, có sổ lưu trữ văn bản của các cấp ủy Đảng, cơ quan quản lý liên quan đến hoạt động của nhà trường [H1-1.3-07]. Từ năm 2018 đến nay, Chi bộ Trường Tiểu học Nhị Xuân luôn được Đảng ủy xã Xuân Thới Sơn đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H1-1.3-8].

b) Công đoàn cơ sở trường tổ chức nhiều hoạt động cho công đoàn viên và tham gia đầy đủ các hoạt động do Liên đoàn Lao động huyện tổ chức như đóng góp

các loại quỹ xã hội, tổ chức hoạt động ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10... [H1-1.3-09].

Ngoài ra, Chi đoàn giáo viên và Liên đội trường cũng đã có nhiều hoạt động cho giáo viên, học sinh như ngày Hội kế hoạch nhỏ, Nụ cười hồng, ngày chủ nhật xanh... [H1-1.3-10].

Mức 3:

a) Trong những năm qua, Chi bộ đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, đạt được danh hiệu “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” năm 2022 [H1-1.3-08].

b) Từ năm học 2018-2019 đến nay, Công đoàn cơ sở, Chi đoàn và Liên đội đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường: Công đoàn cơ sở luôn đạt danh hiệu Công đoàn “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”, Chi đoàn và Liên đội đạt danh hiệu “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”. Tuy nhiên, các đoàn thể, tổ chức chủ yếu tham gia hoạt động cộng đồng theo kế hoạch của địa phương chưa chủ động đề xuất nội dung hoạt động [H1-1.3-05].

1.3.2. Điểm mạnh

Các tổ chức chính trị, xã hội và các đoàn thể trong nhà trường có cơ cấu tổ chức đúng theo quy định, hoạt động đúng điều lệ và hiệu quả trong việc chỉ đạo, phối hợp hoạt động góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1.3.3. Điểm yếu

Các đoàn thể và tổ chức chủ yếu tham gia hoạt động cộng đồng theo kế hoạch của địa phương, chưa chủ động đề xuất nội dung hoạt động.

1.3.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng phối hợp với Ban Chấp hành công đoàn thực hiện phân công nhiệm vụ cụ thể, phù hợp với năng lực cá nhân trong các hoạt động có liên quan. Đồng thời tạo điều kiện về thời gian, động viên, khuyến khích kịp thời để giáo viên, nhân viên tích cực tham gia các hoạt động, phong trào nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của các đoàn thể trong nhà trường.

1.3.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

1.4. Tiêu chí 4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;*
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.*

1.4.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Trường có 34 lớp, hiện tại có hiệu trưởng phụ trách chung, 01 phó hiệu trưởng phụ trách về chuyên môn kiêm phụ trách công tác bán trú [H1-1.4-01].
- b) Trường có các tổ chuyên môn và tổ văn phòng được thành lập và sinh hoạt theo đúng quy định Điều lệ trường tiểu học: có 06 tổ chuyên môn (mỗi tổ có từ 04

đến 09 thành viên) và tổ văn phòng, các tổ đều có tổ trưởng, tổ phó (tổ 1, 2, văn phòng) điều hành công việc của tổ [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03].

c) Các tổ chuyên môn đều có xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể theo năm, tháng, tuần nhằm thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục theo quy định. Mỗi tổ sinh hoạt định kỳ 02 tuần/lần và đột xuất khi có nhu cầu của công việc [H1-1.4-04]; [H1-1.4-05]. Tổ văn phòng thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của từng thành viên trong tổ, đúng quy định theo Điều lệ trường tiểu học [H1-1.4-06].

Mức 2:

a) Hằng năm, mỗi tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được 01 chuyên đề chuyên môn. Luôn chú trọng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục qua việc triển khai đến toàn thể giáo viên trong nhà trường. Từ đó, tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch, tổ chức các chuyên đề cấp trường và chuyên đề cấp tổ đạt hiệu quả [H1-1.4-07].

b) Theo định kỳ, các hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được rà soát, đánh giá, điều chỉnh vào giai đoạn cuối học kỳ I và cuối năm học để báo cáo, đánh giá, rút kinh nghiệm nhằm đáp ứng yêu cầu trong việc thực hiện nhiệm vụ của trường [H1-1.4-08]; [H1-1.4-09].

Mức 3:

a) Tổ chuyên môn sinh hoạt đúng đặc thù, tổ chức các hoạt động chuyên đề, thao giảng để bồi dưỡng kỹ năng vận dụng phương pháp hình thức tổ chức dạy học theo hướng đổi mới cho giáo viên; hướng dẫn giáo viên soạn đề kiểm tra định kỳ; thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm vận dụng các biện pháp phụ đạo và dạy học cá thể đối với học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức kỹ năng. Các thành viên tổ văn phòng ngoài việc thực hiện tốt nhiệm vụ chính được phân công đã tích cực tham gia hỗ trợ các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp như: tổ chức các lễ hội, tham quan, giáo dục kỹ năng sống... tạo điều kiện tốt cho học sinh tham gia các hoạt động giáo dục của nhà trường [H1-1.4-07]; [H1-1.4-10].

b) Trong các năm học vừa qua, tổ chuyên môn đã tổ chức các chuyên đề phù

hợp với nhu cầu bồi dưỡng của giáo viên. Thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của tổ nói riêng và của nhà trường nói chung [H1-1.4-07]; [H1-1.4-08].

1.4.2. Điểm mạnh

Cơ cấu tổ chức của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được thực hiện theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học. Các kế hoạch đề ra cụ thể, rõ ràng thuận tiện cho việc thực hiện các hoạt động giáo dục một cách toàn diện.

Ban giám hiệu năng nổ, nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm cao, xây dựng kế hoạch hoạt động và cơ cấu tổ chức các tổ phù hợp với yêu cầu công tác. Đội ngũ tổ trưởng có trách nhiệm cao, rất nhiệt tình, tiếp cận nhanh với các biện pháp dạy học tiên tiến, các nội dung kế hoạch của năm học được xây dựng sâu sát với đặc thù riêng của tổ và thực sự đi sâu vào nhiệm vụ chính. Việc sắp tổ theo chuyên môn phù hợp với việc dạy học theo môn quy định.

Các nhân viên ở tổ văn phòng được phân công đúng với nghiệp vụ được đào tạo, tinh thần trách nhiệm cao, luôn tham mưu với hiệu trưởng để hoàn thiện công việc của mình góp phần lớn trong việc xây dựng nhà trường.

1.4.3. Điểm yếu

Theo Điều lệ trường tiểu học, nhà trường thiếu 01 phó hiệu trưởng.

1.4.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024, Hiệu trưởng có văn bản đề xuất với lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn bổ sung 01 phó hiệu trưởng theo quy định.

1.4.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

1.5. Tiêu chí 5: Khối lớp và tổ chức lớp học.

Mức 1:

a) Có đủ các khối lớp cấp tiểu học;

- b) Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;*
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.*

Mức 2:

- a) Trường có không quá 30 (ba mươi) lớp;*
- b) Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định;*
- c) Tổ chức lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục.*

1.5.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ các khối lớp thuộc cấp tiểu học, từ lớp 1 đến lớp 5. Trường có tất cả 34 lớp đều học 2 buổi/ngày và tham gia bán trú [H1-1.5-01].

b) Cơ cấu các lớp học của trường được sắp xếp theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Mỗi lớp có một giáo viên chủ nhiệm, được hiệu trưởng phân công theo từng năm học [H1-1.4-02]; [H1-1.5-02].

Đầu năm học, giáo viên chủ nhiệm tổ chức cho tập thể học sinh bầu Ban cán sự lớp bằng hình thức tự ứng cử hoặc đề cử đối với các khối từ lớp 2 đến lớp 5, bằng hình thức chỉ định ở khối lớp 1. Ban cán sự lớp được luân phiên sau mỗi học kỳ tùy theo tình hình học tập và hoạt động của lớp. Mỗi lớp có lớp trưởng và lớp phó, mỗi tổ có tổ trưởng, tổ phó tham gia tự quản lớp học [H1-1.5-02]; [H1-1.5-03].

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ theo định hướng và sự quản lý của giáo viên chủ nhiệm, tạo điều kiện để học sinh tham gia việc bầu cử ban cán sự lớp, xét thi đua, khen thưởng và tham gia các hoạt động giáo dục của nhà trường. Học sinh có cơ hội thể hiện năng lực của bản thân [H1-1.5-02]; [H1-1.5-03].

Mức 2:

a) Năm học 2022-2023, trường có 34 lớp với 09 lớp 1, 09 lớp 2, 05 lớp 3, 05 lớp 4 và 06 lớp 5 [H1-1.5-01].

b) Tổng số học sinh là 1370 em. Sĩ số bình quân của mỗi lớp là 40,29 học sinh, vượt quá so với quy định là 35 học sinh/lớp theo Điều lệ trường tiểu học [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

c) Trường có chú ý việc tổ chức các lớp học với số lượng học sinh đồng đều nhau nhằm đảm bảo tính linh hoạt và phù hợp khi tổ chức các hoạt động của trường [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

1.5.2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ lớp học theo từng khối lớp đáp ứng yêu cầu theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Các lớp được tổ chức theo quy định và hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ phù hợp với hoạt động giáo dục.

1.5.3. Điểm yếu

Sĩ số bình quân học sinh/lớp vượt quy định tại Điều 16 của Điều lệ trường tiểu học.

1.5.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tích cực tham mưu lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, Phòng Giáo dục và Đào tạo phân tuyến, giao chỉ tiêu huy động trẻ 06 tuổi trên địa bàn vào lớp 1 thích hợp để đảm bảo trường thực hiện được quy định của Điều lệ trường tiểu học về số lớp/trường và số học sinh/lớp.

1.5.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

1.6. Tiêu chí 6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy

chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1.6.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện lưu trữ khoa học các loại hồ sơ, văn bản đầy đủ và có cập nhật theo quy định của Điều lệ trường tiểu học về các chế độ chính sách, chuyên môn nghiệp vụ theo đúng Luật lưu trữ, báo cáo đầy đủ các thông tin qua địa chỉ email, phần mềm quản lý hồ sơ công việc giữa trường và các phòng ban thuộc Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn. Hồ sơ chung của trường được lưu trữ trong các tủ hồ sơ đặt tại phòng văn thư và kho lưu trữ [H1-1.6-01]; [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03]; [H1-1.6-04]; [H1-1.6-05]; [H1-1.6-06]; [H1-1.6-07]; [H1-1.6-08]; [H1-1.6-09]; [H1-1.6-10]; [H1-1.6-11].

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi rõ ràng, đúng quy định; quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất chính xác, kịp thời; thực hiện công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ

sung, cập nhật hàng năm phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-07]; [H1-1.6-10]; [H1-1.6-11]; [H1-1.6-12].

c) Nhà trường thực hiện việc quản lý, sử dụng tài chính, cơ sở vật chất theo đúng quy định, đảm bảo tính công khai, minh bạch và mang lại hiệu quả tốt trong việc phục vụ các hoạt động giáo dục [H1-1.6-10]; [H1-1.6-12]; [H1-1.6-13].

Mức 2:

a) Nhà trường đã và đang triển khai việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà trường, lưu trữ dữ liệu trên máy tính. Việc công khai trên trang thông tin điện tử của trường được cập nhật thông tin thường xuyên [H1-1.6-14].

b) Hằng năm, phòng tài chính kế hoạch của huyện đều kiểm tra công tác kế toán của trường. Nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản của trường [H1-1.6-10]; [H1-1.6-12].

Mức 3:

Nhà trường chưa có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp ngoài nguồn ngân sách Nhà nước cấp.

1.6.2. Điểm mạnh

Thực hiện tốt việc quản lý, sử dụng hiệu quả ngân sách được giao, mang lại hiệu quả tốt trong việc tu bổ, mua sắm cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ các hoạt động giáo dục.

1.6.3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp ngoài nguồn ngân sách Nhà nước cấp.

1.6.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng tiếp tục thực hiện tốt công tác kiểm tra, đánh giá các hoạt động quản lý tài chính, tài sản, cơ sở vật chất theo quy định.

Năm học 2023-2024, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp ngoài nguồn ngân sách Nhà nước cấp.

1.6.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

1.7. Tiêu chí 7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1.7.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên; tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên đều tham gia học tập chính trị hệ; giáo viên tham gia học các lớp bồi dưỡng tổ trưởng, giáo viên chủ nhiệm, bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp theo quy định hiện hành; cán bộ quản lý được bồi dưỡng về nghiệp vụ Quản lý giáo dục, đáp ứng các yêu cầu về chuyên môn [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02]; [H1-1.7-03]; [H1-1.7-04].

b) Công tác phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của trường hợp lý, rõ ràng. Nhà trường có đội ngũ giáo viên được phân công đúng

chuyên môn theo quy định trong Điều lệ trường tiểu học [H1-1.4-02]. Đội ngũ nhân viên có ý thức tổ chức kỷ luật, chủ động phối hợp với các đoàn thể trong nhà trường hoàn thành tốt công tác được giao [H1-1.7-05]; [H1-1.7-06].

c) Nhà trường đã đảm bảo đầy đủ quyền lợi cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên theo quy định. Thực hiện chế độ nâng lương theo niên hạn và trước niên hạn, nâng phụ cấp thâm niên nhà giáo cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đúng quy định, công bằng, công khai. Chi trả lương và phụ cấp hàng tháng kịp thời, đầy đủ. Ngoài ra, nhà trường còn thực hiện quy hoạch cán bộ quản lý kế cận, tạo điều kiện thuận lợi về thời gian cho giáo viên theo học các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được biết, được tham gia góp ý, quyết định các hoạt động trong nhà trường theo quy chế dân chủ cơ sở [H1-1.7-07]; [H1-1.7-08].

Mức 2:

Các giải pháp để phát huy được năng lực của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường chưa mang lại hiệu quả cao.

1.7.2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên. Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo năng lực để đảm bảo hiệu quả các hoạt động giáo dục và đảm bảo các quyền lợi hợp pháp theo quy định.

1.7.3. Điểm yếu

Các giải pháp để phát huy được năng lực của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường chưa mang lại hiệu quả cao.

1.7.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024, Hiệu trưởng tiếp tục thực hiện tốt các chế độ chính sách cho giáo viên theo quy định của pháp luật; tăng cường công tác thi đua, khen thưởng tại đơn vị để động viên, khuyến khích giáo viên tích cực hơn trong mọi phong trào. Xây dựng kế hoạch giáo dục với các giải pháp cụ thể, hình thức tổ chức đa dạng, phong phú nhằm phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1.7.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

1.8. Tiêu chí 8: *Quản lý các hoạt động giáo dục*

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1.8.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn để xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục. Kế hoạch giáo dục phù hợp với sự chỉ đạo, định hướng của ngành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường [H1-1.8-01].

b) Nhà trường đã thực hiện đầy đủ kế hoạch giáo dục trong giờ lên lớp và ngoài giờ lên lớp theo tháng, năm [H1-1.4-08]; [H1-1.8-02].

c) Kế hoạch giáo dục của nhà trường được tổ chức thực hiện với nhiều giải pháp phù hợp, có rà soát, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch kịp thời cho phù hợp với

tình hình hoạt động của nhà trường từng giai đoạn, sơ kết cuối học kỳ I và tổng kết cuối năm học [H1-1.4-08]; [H1-1.8-02].

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục trong mỗi năm học đã được Phòng Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn đánh giá đạt hiệu quả tốt qua các đợt kiểm tra, qua hội nghị sơ kết, tổng kết và qua các danh hiệu thi đua hàng năm trường đạt được [H1-1.8-03].

1.8.2. Điểm mạnh

Nhà trường có xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục, tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch đã đề ra, có biện pháp tổ chức đánh giá, rà soát, có sơ kết, tổng kết, bổ sung, điều chỉnh kịp thời kế hoạch đã đề ra.

1.8.3. Điểm yếu

Các hoạt động trải nghiệm chưa được tổ chức thường xuyên.

1.8.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024, Hiệu trưởng chú trọng phát huy thế mạnh trong việc thực hiện các hoạt động trải nghiệm và sắp xếp, bố trí, phân công nhân sự phù hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi để các hoạt động thực hiện đúng theo kế hoạch đã đề ra.

1.8.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

1.9 Tiêu chí 9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1.9.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có xây dựng Quy chế thực hiện dân chủ tại đơn vị, tất cả các kế hoạch hoạt động đều được bàn bạc, thảo luận, thông qua trước khi triển khai thực hiện, các cá nhân, đoàn thể trong nhà trường hoạt động theo quy chế, dân chủ, công khai đảm bảo thực hiện đúng các quy định của Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường [H1-1.2-04]; [H1-1.6-11]; [H1-1.9-01].

b) Các phản ánh thuộc thẩm quyền quản lý của nhà trường được hiệu trưởng xem xét, tìm hiểu và trả lời kịp thời, đúng quy định [H1-1.6-11].

c) Hằng năm, nhà trường có báo cáo về việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hội nghị và cơ quan quản lý cấp trên có liên quan [H1-1.6-11]; [H1-1.9-02].

Mức 2:

Nhà trường phối hợp với Công đoàn phân công Ban Thanh tra nhân dân giám sát nhằm đảm bảo quy chế dân chủ cơ sở được thực hiện một cách công khai, minh bạch, hiệu quả [H1-1.6-11]; [H1-1.6-12]; [H1-1.9-03].

1.9.2. Điểm mạnh

Quy chế dân chủ cơ sở được thực hiện tốt trong nhiều năm qua, không có xảy ra tình trạng khiếu nại, tố cáo tại đơn vị.

1.9.3. Điểm yếu

Một số giáo viên, nhân viên chưa tham gia tích cực đóng góp ý kiến cho các hoạt động của nhà trường.

1.9.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng và Ban Chấp hành công đoàn tiếp tục phối hợp để duy trì, phát huy quyền dân chủ của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong quá trình công tác. Khuyến khích, động viên giáo viên, nhân viên tham gia đóng góp ý kiến nhiều hơn trong việc xây dựng và phát triển nhà trường.

1.9.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

1.10. Tiêu chí 10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1.10.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trong mỗi năm học, nhà trường có xây dựng đầy đủ các kế hoạch và phương án: đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống ngộ độc thực phẩm; phương án phòng chống tai nạn, thương tích; phòng chống cháy nổ, đuối nước, thảm họa, thiên tai; phòng chống dịch bệnh; phòng chống các tệ nạn xã hội, bạo lực học đường... Nhà trường hợp đồng với cơ sở có đầy đủ giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm để cung cấp suất ăn cho học sinh bán trú [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]; [H1-1.10-05]; [H1-1.10-06]; [H1-1.10-07]; [H1-1.10-08]; [H1-1.10-09].

b) Nhà trường có hộp thư góp ý đặt ở trước cửa phòng bảo vệ, công khai số điện thoại liên hệ khi cần thiết tại cổng trường. Công khai lịch tiếp công dân để kịp thời tiếp nhận, xử lý các thắc mắc của người dân. Hiệu trưởng phân công nhân viên trực nghe điện thoại, kiểm tra email để tiếp nhận, xử lý các thông tin, phản ánh của người dân. Nhà trường luôn chú trọng việc đảm bảo an toàn cho học sinh và cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên với các phương án, biện pháp thiết thực được xây dựng và triển khai cụ thể, phù hợp với tình hình, đặc điểm của địa phương; phối hợp chặt chẽ với công an địa phương thực hiện tốt việc đảm bảo an ninh trật tự trong và ngoài nhà trường. Nhà trường được kiểm tra, công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự và an toàn trường học về phòng chống tai nạn, thương tích [H1-1.10-06]; [H1-1.10-10]; [H1-1.10-11].

c) Nhà trường thường xuyên giáo dục lối sống đạo đức cho học sinh, không có xảy ra hiện tượng kỳ thị học sinh khuyết tật hòa nhập, không có tình trạng bạo lực học đường, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường. Hằng năm, nhà trường luôn tổ chức tọa đàm lắng nghe tiếng nói học sinh nhằm nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng của các em để có kế hoạch giáo dục phù hợp [H1-1.10-12].

Mức 2:

a) Nhà trường có xây dựng và triển khai các kế hoạch nhằm phổ biến, hướng dẫn cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh những nội dung cần thiết về an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh, tai nạn thương tích, các tệ nạn xã hội [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-04]; [H1-1.10-05].

b) Cán bộ quản lý nhà trường thường xuyên kiểm tra nhằm đề ra các biện pháp xử lý những vấn đề có liên quan, nhất là các biểu hiện về bạo lực học đường, an ninh trật tự. Trường có quy chế phối hợp với công an địa phương và các lực lượng giáo dục ngoài trường để kịp thời nắm bắt thông tin và đề ra biện pháp ngăn chặn kịp thời [H1-1.10-06].

1.10.2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt các phương án đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm; phòng tránh các hiểm họa thiên tai, các tệ nạn xã hội trong nhà trường. Phối hợp tốt các cơ quan chức năng, địa phương đảm bảo an toàn cho học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường.

1.10.3. Điểm yếu

Trước giờ học, sau giờ về, nhà trường vẫn còn tình trạng học sinh mua quà bánh ngoài cổng trường.

1.10.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024, Hiệu trưởng tiếp tục liên hệ và phối hợp với Ủy ban nhân dân và Công an xã Xuân Thới Sơn xây dựng cổng trường em sạch đẹp, an toàn; tăng cường giáo dục học sinh ý thức không mua quà bánh ngoài cổng trường để đảm bảo vệ sinh, trật tự và mỹ quan trường học.

1.10.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

- Điểm mạnh nổi bật

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường đã đề ra các giải pháp phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường.

Trường thực hiện đầy đủ việc xây dựng cơ cấu tổ chức các lớp học theo quy định của Điều lệ trường tiểu học; xây dựng tốt kế hoạch giáo dục và thực hiện đầy đủ các nội dung đề ra.

Quy chế dân chủ cơ sở được thực hiện tốt trong hoạt động của nhà trường. Quản lý, sử dụng hiệu quả ngân sách được giao. Phối hợp tốt các cơ quan chức năng, địa phương đảm bảo an toàn cho học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường.

- Điểm yếu cơ bản

Công tác rà soát, đánh giá kết quả để điều chỉnh, bổ sung kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường chưa được thực hiện liên tục.

Số lớp học và tỷ lệ học sinh/lớp chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 16 của Điều lệ trường tiểu học.

Nhà trường chưa có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp ngoài nguồn ngân sách Nhà nước cấp.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10.

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/10.

2. Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên nhà trường tích cực thực hiện nhiệm vụ được phân công, hoàn thành kế hoạch giáo dục hằng năm. Cán bộ quản lý có đủ trình độ sư phạm và lý luận chính trị, năng lực chuyên môn, năng lực quản lý, nhiệt tình, năng động trong công tác quản lý. Đội ngũ giáo viên năng động, sáng tạo,

ng nghiệp vụ chuyên môn vững vàng, gắn bó với nghề, hết lòng vì học sinh và sự nghiệp giáo dục của nhà trường. Đội ngũ nhân viên có đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng, có ý thức làm việc nghiêm túc. Học sinh của nhà trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của Điều lệ trường tiểu học và của pháp luật. Hầu hết các em đều chăm ngoan, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của người học sinh và có ý thức thực hiện theo 5 điều Bác Hồ dạy.

2.1. Tiêu chí 1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

2.1.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều có trình độ chuyên môn đại học sư phạm về giáo dục tiểu học; nhiều năm trực tiếp giảng dạy; được bổ nhiệm đúng theo quy định Điều lệ trường tiểu học [H1-1.4-01]; [H2-2.1-01].
- b) Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng đều được đánh giá và xếp loại khá theo

Thông tư số 14/2011/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 4 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định Chuẩn Hiệu trưởng trường tiểu học [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03].

c) Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đã được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục, kiến thức pháp luật và kỹ năng công tác pháp chế ngành giáo dục, kỹ năng lãnh đạo cấp phòng, chứng chỉ bồi dưỡng hiệu trưởng trường tiểu học. Hiệu trưởng có trình độ cao cấp lý luận chính trị. Phó hiệu trưởng có trình độ trung cấp lý luận chính trị và cử nhân quản lý giáo dục [H2-2.1-04]; [H2-2.1-05].

Mức 2:

a) Hằng năm, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được đánh giá, xếp loại theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng trường tiểu học đạt mức khá [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03].

b) Đội ngũ cán bộ quản lý được bồi dưỡng, tập huấn đầy đủ về lý luận chính trị theo quy định; đồng thời, luôn được sự tin tưởng, tín nhiệm cao từ đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong toàn trường [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03].

Mức 3:

Cán bộ quản lý nhà trường liên tục được lãnh đạo cấp trên đánh giá đạt khá theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng trường tiểu học [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03].

2.1.2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng có trình độ đạt chuẩn theo quy định, luôn chủ động nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý giáo dục, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo.

2.1.3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có cán bộ quản lý đạt trình độ chuyên môn thạc sĩ.

2.1.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024, cán bộ quản lý tiếp tục phát huy năng lực lãnh đạo nhà trường, phát huy tinh thần trách nhiệm trong công tác quản lý tại đơn vị. Hiệu

trường sắp xếp, tạo điều kiện cho cán bộ quản lý học nâng cao trình độ chuyên môn.

2.1.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

2.2. Tiêu chí 2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng giáo viên đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; có giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít

nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

2.2.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Năm học 2022-2023, nhà trường có 34 lớp học 02 buổi/ngày. Tổng số giáo viên là 41 người gồm 35 giáo viên nhiều môn, 03 giáo viên thể dục, 01 giáo viên tin học, 01 giáo viên Anh văn và 01 giáo viên Tổng phụ trách Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh. Nhà trường đảm bảo số lượng và cơ cấu giáo viên để dạy các môn học bắt buộc theo quy định [H1-1.4-02]; [H1-1.7-05]; [H1-2.2-01].

b) Năm học 2022-2023, nhà trường có 95,12% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục năm 2019 [H1-1.7-05]; [H1-2.2-02].

c) Thực hiện theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BGDĐT và Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT, nhà trường có 100% giáo viên được đánh giá đạt Chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá [H2-2.2-03].

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, chưa có giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục năm 2019 [H1-1.7-05]; [H2-2.2-02]. Có 02 giáo viên đang học nâng chuẩn theo lộ trình; 03 giáo viên đang học trình độ thạc sĩ về giáo viên tiểu học.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó 100% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá [H2-2.2-03].

Mức 3:

a) Nhà trường chưa có giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo theo quy định.

b) Tính đến cuối năm học 2022-2023, nhà trường có 100% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá, không có giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt [H2-2.2-03].

2.2.2. Điểm mạnh

Nhà trường đảm bảo số lượng và cơ cấu giáo viên để dạy các môn học bắt buộc theo quy định. 100% giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên đạt mức khá.

2.2.3. Điểm yếu

Nhà trường chưa đảm bảo tỷ lệ giáo viên/lớp theo quy định của Điều lệ trường tiểu học.

Nhà trường còn 02 giáo viên chưa đạt trình độ chuyên môn theo Luật Giáo dục 2019 quy định.

2.2.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong những năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục bồi dưỡng giáo viên theo 05 tiêu chuẩn quy định trong Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhằm nâng cao tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

Năm học 2023-2024, Hiệu trưởng tiếp tục xây dựng kế hoạch tuyển dụng các vị trí việc làm còn thiếu theo quy định; tạo điều kiện cho 02 giáo viên học nâng chuẩn theo lộ trình, 03 giáo viên học trình độ thạc sĩ về giáo dục tiểu học.

2.2.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

2.3. Tiêu chí 3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

2.3.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Tổ văn phòng có 13 người gồm 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên văn thư, 01 nhân viên thiết bị, 01 nhân viên thư viện - thủ quỹ, 04 nhân viên phục vụ, 04 nhân viên bảo vệ, 01 nhân viên phụ trách y tế (diện hợp đồng) đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công [H1-1.4-02]. Nhà trường chưa có nhân viên quản trị viên hệ thống.

b) Đội ngũ nhân viên được phân công nhiệm vụ phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ và năng lực thực tế của mỗi người [H1-1.4-02]; [H2-2.3-01].

c) Trong các năm học vừa qua, 100% nhân viên nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công, có ý thức kỷ luật trong lao động, tinh thần đoàn kết tốt, chịu khó học hỏi, nhiệt tình với công việc; phong cách giao tiếp tốt trong môi trường sư phạm [H2-2.3-02].

Mức 2:

a) Nhà trường có số lượng và cơ cấu nhân viên chưa đảm bảo theo quy định của Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT [H1-1.4-02]; [H1-2.3-03].

b) Trong những năm qua, nhà trường không có trường hợp nhân viên bị xử lý

kỷ luật [H2-2.3-02].

Mức 3:

a) Nhân viên kế toán, văn thư, thư viện nhà trường đạt trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm [H1-1.4-02]; [H2-2.3-01].

b) Hằng năm, các nhân viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm [H2-2.3-01].

2.3.2. Điểm mạnh

Đội ngũ nhân viên của trường đảm bảo trình độ đào tạo đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm, luôn có tinh thần phục vụ nhiệt tình, thái độ hòa nhã và thân thiện với mọi người, hoàn thành nhiệm vụ tốt vụ được giao.

2.3.3. Điểm yếu

Số lượng nhân viên ở các vị trí việc làm chưa đủ theo quy định của Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT.

2.3.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức đảm bảo đủ số lượng nhân viên có trình độ đào tạo phù hợp với các vị trí việc làm theo quy định của Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT.

2.3.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

2.4. Tiêu chí 4: Đối với học sinh.

Mức 1:

a) Đảm bảo về tuổi học sinh tiểu học theo quy định;

b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;

c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

2.4.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Tất cả học sinh của nhà trường đều đảm bảo quy định về tuổi, không có học sinh học vượt lớp [H1-1.6-01]; [H1-1.6-02]; [H2-2.4-01].

b) Học sinh thực hiện đầy đủ 5 nhiệm vụ của học sinh tiểu học theo quy định của Điều lệ trường tiểu học; không có học sinh vi phạm các hành vi không được làm theo Điều 34 Điều lệ trường tiểu học [H2-2.4-02].

c) Nhà trường luôn đảm bảo cho học sinh được hưởng đầy đủ các quyền theo quy định tại Điều 35 Điều lệ trường tiểu học như: được bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng và đối xử bình đẳng; được đảm bảo những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, vệ sinh, an toàn để học tập và rèn luyện, được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu và được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật, sau khi học hết bậc tiểu học, học sinh được xác nhận hoàn thành chương trình tiểu học theo quy định, học sinh luôn được quan tâm bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng và đối xử bình đẳng [H1-1.6-03]; [H2-2.4-03].

Mức 2:

Nhà trường chú ý rèn luyện, giáo dục năng lực, phẩm chất cho học sinh. Các trường hợp học sinh vi phạm được giáo viên, nhà trường phát hiện kịp thời, có biện pháp giáo dục phù hợp. Tình hình vi phạm của học sinh có chuyển biến tích cực rõ rệt [H1-1.5-02]; [H2-2.4-02].

Mức 3:

Nhà trường thực hiện tốt việc nêu gương học sinh, khen thưởng đột xuất trong buổi sinh hoạt dưới cờ, hoặc trước lớp về thành tích học tập, rèn luyện để làm động lực cho học sinh noi theo, từ đó nâng cao chất lượng giáo dục chung của trường [H1-1.4-08]; [H1-1.5-02]; [H2-2.4-04].

2.4.2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt công tác tuyển sinh theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân huyện và Phòng Giáo dục và Đào tạo Hóc Môn, đảm bảo tuyển sinh đúng quy định về độ tuổi học sinh, không có học sinh học vượt lớp. Nhà trường đảm bảo các nhiệm vụ và quyền của học sinh theo quy định.

2.4.3. Điểm yếu

Một số học sinh chưa có ý thức tự giác trong việc đội mũ bảo hiểm khi đến trường trên xe máy cùng cha mẹ; trong việc giữ gìn vệ sinh trường lớp, vẫn còn học sinh vi phạm nội quy của nhà trường.

2.4.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm học tới, Hiệu trưởng tiếp tục tham mưu với chính quyền địa phương về thực hiện công tác tuyển sinh theo đúng hướng dẫn; duy trì, phát huy việc thực hiện tốt 5 nhiệm vụ của học sinh và đảm bảo các quyền theo quy định Điều lệ trường tiểu học và pháp luật.

Cán bộ quản lý, giáo viên chủ nhiệm, Tổng phụ trách Đội tiếp tục tăng cường công tác giáo dục học sinh ý thức tự giác đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông và thực hiện nội quy của nhà trường.

2.4.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

- Điểm mạnh nổi bật

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đạt yêu cầu về trình độ chuyên môn, lý luận chính trị theo quy định, được bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý giáo dục, tập thể tin nhiệm, tổ chức và quản lý hiệu quả các hoạt động nhà trường.

Nhà trường có đội ngũ giáo viên được phân công đúng chuyên môn theo quy định trong Điều lệ trường tiểu học.

Đội ngũ nhân viên có ý thức tổ chức kỷ luật, chủ động phối hợp với các đoàn thể trong nhà trường hoàn thành tốt công tác được giao.

Học sinh thực hiện tốt 5 nhiệm vụ của học sinh theo quy định trong Điều lệ trường tiểu học. Học sinh được hưởng các quyền theo quy định.

- Điểm yếu cơ bản

Nhà trường chưa đảm bảo tỷ lệ giáo viên/lớp theo quy định của Điều lệ trường tiểu học.

Nhà trường còn 02 giáo viên chưa đạt trình độ chuyên môn theo Luật Giáo dục 2019 quy định.

Số lượng nhân viên ở các vị trí việc làm chưa đủ theo quy định của Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 4/4

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/4

3. Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học

Mở đầu:

Nhà trường có khuôn viên riêng biệt và đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp. Các công trình phục vụ công tác giảng dạy và học tập, phòng hành chính, khu tập luyện thể dục thể thao, sân chơi, khu vực vệ sinh được xây dựng theo đúng quy định. Cơ sở vật chất nhà trường đảm bảo cho việc thực hiện các hoạt động giáo dục toàn diện.

Thư viện của trường có đầy đủ sách, báo, tài liệu tham khảo; đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của giáo viên, nhân viên và học sinh; thực hiện đầy đủ các loại hồ sơ sổ sách theo quy định đối với thư viện. Trang thiết bị phục vụ tốt cho các hoạt động quản lý và giảng dạy, hầu hết cán bộ, giáo viên, nhân viên có ý thức trong việc sử dụng và bảo quản. Nhà trường đã chú trọng đầu tư hệ thống mạng, các thiết bị công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động dạy và học.

3.1. Tiêu chí 1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập.

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc hàng rào bao quanh;

c) Có sân chơi, sân tập thể dục thể thao.

Mức 2:

a) Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định;

b) Sân chơi, sân tập đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả.

Mức 3:

Sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây bóng mát, có đồ chơi, thiết bị vận động.

3.1.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có khuôn viên riêng biệt với diện tích 12611,7m², có cây xanh, sạch, đẹp và an toàn. Nhà trường luôn quan tâm đến việc chăm sóc, bảo dưỡng mảng xanh; các cây xanh được bố trí trước phòng học tạo nên vẻ xanh, sạch, đẹp, thoáng mát ở mỗi lớp [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03].

b) Trường được xây dựng kiên cố, có 01 cổng chính và 02 cổng phụ [H3-3.1-03]. Trường có biển tên trường ở cổng chính, tường rào bao quanh có chiều cao đạt

chuẩn quy định, đảm bảo an toàn và thẩm mỹ, đáp ứng theo nội dung quy định tại Điều 5 Điều lệ trường tiểu học [H3-3.1-02].

c) Trường có sân chơi bằng phẳng và đường nội bộ bao quanh khuôn viên trường. Trường có sân tập với đầy đủ các dụng cụ phục vụ cho việc học tập các môn thể thao như cầu lông, bóng chuyền, bóng rổ, bóng đá [H3-3.1-03].

Mức 2:

a) Diện tích xây dựng công trình là 9840m², chiếm tỷ lệ 78,02% so với diện tích toàn trường; diện tích bãi tập và cây xanh là 3817m², sân chơi và đường nội bộ là 4877m² đảm bảo theo quy định [H3-3.1-03].

b) Sân chơi, sân tập của trường đảm bảo cho học sinh toàn trường luyện tập thể dục thường xuyên và hiệu quả [H3-3.1-03].

Mức 3:

Trường có sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây xanh nhưng chưa đảm bảo bóng mát, chưa trang bị đồ chơi và thiết bị vận động.

3.1.2. Điểm mạnh

Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, đảm bảo tốt về an ninh trật tự, có hệ thống cây xanh và cảnh quan môi trường tốt. Cổng trường, tường rào bao quanh được xây dựng kiên cố, vững chắc, đảm bảo an toàn và thẩm mỹ; có sân chơi, sân tập rộng để học sinh vui chơi và tập thể dục.

3.1.3. Điểm yếu

Nhà trường chưa trang bị đồ chơi, thiết bị vận động.

3.1.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch trang bị đồ chơi và thiết bị vận động.

3.1.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

3.2. Tiêu chí 2: Phòng học.

Mức 1:

- a) *Đủ mỗi lớp một phòng học riêng, quy cách phòng học theo quy định;*
- b) *Bàn, ghế học sinh đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho học sinh; có bàn ghế phù hợp cho học sinh khuyết tật học hòa nhập (nếu có); bàn, ghế giáo viên, bảng lớp theo quy định;*
- c) *Có hệ thống đèn, quạt (ở nơi có điện); có hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.*

Mức 2:

- a) *Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) *Tủ đựng thiết bị dạy học có đủ các thiết bị dạy học;*
- c) *Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế học sinh theo quy định.*

Mức 3:

Có các phòng riêng biệt để dạy các môn âm nhạc, mỹ thuật, khoa học và ngoại ngữ; có phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu (nếu có).

3.2.1. Mô tả hiện trạng*Mức 1:*

a) Nhà trường có 40 phòng học, diện tích mỗi phòng là 56 m², đảm bảo mỗi lớp 01 phòng học cho giáo viên và học sinh theo quy định. Phòng học rộng rãi, kiên cố, thoáng, phục vụ tốt cho nhu cầu học tập và sinh hoạt của học sinh [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02].

b) Bàn ghế học sinh ở các lớp có kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng và màu sắc đảm bảo tiêu chuẩn yêu cầu. Mỗi lớp đều có đủ bàn, ghế cho giáo viên; bảng từ màu xanh, sơn chống lóa, được kẻ ô ly, chiều dài 3,6m và chiều rộng 1,2m được đặt áp sát tường, mép dưới cách nền 1m ngang tầm mắt học sinh ngồi [H3-3.2-

02].

c) Phòng học đều được trang bị hệ thống đèn, quạt, **tủ đựng hồ sơ** và đồ dùng dạy học đáp ứng nhu cầu tối thiểu cho việc giảng dạy của giáo viên [H3-3.2-02].

Mức 2:

a) Mỗi phòng học có diện tích 56 m² đạt chuẩn quy định, đủ để sắp xếp bàn ghế, các phương tiện và thiết bị dạy học như: góc thư viện, tủ đựng hồ sơ và các vật dụng khác [H3-3.2-02].

b) **Tủ đựng thiết bị dạy học chưa có đủ các thiết bị dạy học** [H3-3.2-02].

c) Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế học sinh theo quy định [H3-3.2-02].

Mức 3:

Nhà trường có phòng riêng biệt để dạy các môn âm nhạc, mỹ thuật và ngoại ngữ; có phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu.

3.2.2. Điểm mạnh

Khôi phòng học, phòng phục vụ học tập kiên cố, phục vụ tốt cho các hoạt động giáo dục. Phòng học có đủ các thiết bị dạy học tối thiểu theo yêu cầu. Nhà trường luôn quan tâm bổ sung thêm các thiết bị, tạo điều kiện thuận lợi cho việc dạy học của giáo viên và học tập của học sinh.

3.2.3. Điểm yếu

Tủ đựng thiết bị dạy học chưa có đủ các thiết bị dạy học.

3.2.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024, Hiệu trưởng có kế hoạch bổ sung các trang thiết bị trong phòng học đảm bảo quy định của Điều lệ trường tiểu học.

3.2.5. Tự đánh giá: **Đạt Mức 1.**

3.3. Tiêu chí 3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị.

Mức 1:

a) Có phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục;

b) Khối phòng hành chính - quản trị đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

c) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

a) Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

b) Có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung

Mức 3:

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

3.3.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có khối phòng phục vụ học tập bao gồm: 03 phòng Tin học, 02 phòng Anh văn, 01 phòng nghệ thuật, 01 phòng Stem, phòng thư viện, phòng đọc sách của giáo viên, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống, phòng hoạt động Đội đáp ứng cho hoạt động giáo dục của nhà trường [H3-3.3-01].

b) Trường có khối phòng hành chính quản trị bao gồm: Phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng giáo viên, phòng họp Hội đồng, phòng hành chính, phòng y tế, phòng bảo vệ. Mỗi phòng có đủ các trang thiết bị tối thiểu để làm việc

nghĩa như bàn ghế, tủ, máy vi tính có nối mạng internet, máy in, điện thoại, máy photocopy, đèn quạt và các phương tiện làm việc khác [H3-3.3-01]; [H3-3.3-02].

c) Nhà trường chưa có nhà để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Hiện tại, nhà trường bố trí nơi để xe giáo viên, nhân viên tại khu vực hành lang tầng trệt [H3-3.3-03].

Mức 2:

a) Khối phòng phục vụ học tập của trường có các phòng: phòng máy tính, phòng thư viện, phòng thiết bị, nhà đa năng, phòng truyền thống và hoạt động Đội. Khối phòng hành chính quản trị có đầy đủ các phòng theo quy định; có khu bếp, nhà ăn, phòng nghỉ của giáo viên đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.3-04].

b) Nhà trường có thực hiện lưu trữ hồ sơ đầy đủ; có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung đảm bảo an toàn [H3-3.3-05].

Mức 3:

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính quản trị của nhà trường có đầy đủ các thiết bị như máy móc, kết nối mạng internet, tủ đựng hồ sơ... được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của nhà trường. [H3-3.3-02].

3.3.2. Điểm mạnh

Khối hành chính quản trị được trang bị đầy đủ thiết bị, máy tính có nối mạng internet phục vụ tốt cho công tác quản lý, dạy và học đảm bảo theo quy định.

3.3.3. Điểm yếu

Trường chưa có nhà để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

3.3.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024, Hiệu trưởng có kế hoạch tham mưu với các cấp lãnh đạo để xây dựng nhà để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

3.3.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

3.4. Tiêu chí 4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước.

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

3.4.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có 12 khu nhà vệ sinh dành cho học sinh nam và nữ riêng biệt, có nhà vệ sinh cho học sinh khuyết tật học hòa nhập được bố trí phù hợp ở các góc cầu thang từ tầng 01 đến tầng 03. Tất cả các nhà vệ sinh đều đúng quy cách. Nhà vệ sinh cho cán bộ, giáo viên và nhân viên riêng biệt với khu nhà vệ sinh học sinh. Nhà vệ sinh học sinh được dọn dẹp sạch sẽ thường xuyên, không gây ra ô nhiễm môi trường. Các khu vệ sinh đặt ở vị trí đảm bảo học sinh sử dụng [H3-3.4-01].

b) Trường sử dụng nước giếng để tưới cây và nước máy dùng trong sinh hoạt, đủ lượng nước sạch cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh sử dụng trong ngày [H1-1.10-08]. Sử dụng nước uống đóng bình, đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, nguồn nước được kiểm định chất lượng thường xuyên và có giấy chứng

nhận của ngành y tế [H3-3.4-02]. Nhà trường có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.1-03].

c) Nhà trường có ký hợp đồng với Công ty Bảo Tín thu gom rác hằng ngày và rác được phân loại thông qua các thùng rác được lắp đặt tại trường, đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường [H3-3.4-03].

Mức 2:

a) Khu vệ sinh của giáo viên và học sinh được bố trí đảm bảo thuận lợi, được xây dựng phù hợp với cảnh quan nhà trường và có hệ thống thoát nước riêng theo quy định [H3-3.4-01]; [H3-3.4-03].

b) Nhà trường sử dụng hệ thống nước sạch do Công ty cấp nước Trung An cung cấp, không sử dụng hệ thống nước giếng khoan nhằm đảm bảo vệ sinh [H3-3.4-02]. Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đều đáp ứng theo quy định [H1-1.10-08]; [H3-3.4-03]. Tuy nhiên, học sinh thực hiện phân loại rác thải tại nguồn chưa triệt để, còn một số học sinh chưa tự giác phân loại riêng biệt các loại rác thải có thể tái chế được và rác thải hữu cơ.

3.4.2. Điểm mạnh

Nhà trường có các khu vệ sinh riêng biệt, sạch sẽ phục vụ cho giáo viên, học sinh. Nhà trường có hệ thống cấp nước uống, nước sinh hoạt đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh. Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải hợp vệ sinh, đúng quy định.

3.4.3. Điểm yếu

Học sinh thực hiện việc phân loại rác thải tại nguồn chưa đạt hiệu quả cao.

3.4.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024, Hiệu trưởng tiếp tục duy trì, tu bổ các công trình vệ sinh và hệ thống thoát nước; thường xuyên kiểm tra hệ thống nước sử dụng để xử lý kịp thời, tránh lãng phí. Chi đoàn tiếp tục phối hợp với Tổng phụ trách Đội và nhân viên y tế tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn học sinh phân loại rác tại nguồn trong các buổi sinh hoạt chào cờ đầu tuần, sinh hoạt tập thể lớp; thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở,

khen thưởng kịp thời những cá nhân, tập thể thực hiện tốt để nhân rộng gương điển hình trong toàn trường, giúp học sinh có ý thức phân loại rác ngày một hiệu quả hơn.

3.4.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

3.5. Tiêu chí 5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

3.5.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết cho các bộ phận để phục vụ các hoạt động nhà trường như máy vi tính, máy in, hệ thống mạng, máy photocopy, hệ thống âm thanh và các thiết bị khác phục vụ tốt các hoạt động của nhà trường [H3-3.5-01]; [H3-3.5-02]; [H3-3.5-03].

b) Mỗi lớp học có bộ đồ dùng, thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu của giáo viên, học sinh trong quá trình dạy và học theo quy định của Thông tư số 15/2009/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 7 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học; Thông tư số 05/2019/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1, lớp 2; Thông tư số 37/2021 ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học [H3-3.5-03]; [H3-3.5-04]; [H3-3.5-07].

c) Hằng năm, nhà trường đều tiến hành việc kiểm kê, sửa chữa, nâng cấp, bổ sung đồ dùng và các thiết bị dạy học phục vụ cho việc giảng dạy và học tập [H3-3.5-05]; [H3-3.5-06].

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy và học [H3-3.5-02].

b) Nhà trường mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu hằng năm, đồng thời vận động giáo viên tự làm đồ dùng dạy học để đáp ứng đủ thiết bị dạy học theo quy định [H3-3.5-04]; [H3-3.5-05]; [H3-3.5-06].

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học [H3-3.5-06]. Tuy nhiên thiết bị dạy học tự làm chưa chất lượng.

Mức 3:

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm chưa được đạt hiệu quả trong việc sử dụng đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

3.5.2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng, đồ dùng dạy học đáp ứng các hoạt động giáo dục trong trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. 100% giáo viên lên lớp có sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học.

3.5.3. Điểm yếu

Lớp học chưa trang bị đầy đủ thiết bị, đồ dùng dạy học hiện đại để giáo viên áp dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy.

3.5.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024, nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch trang bị đồ dùng dạy học đảm bảo đủ thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học tối thiểu và tăng cường trang bị các thiết bị, đồ dùng dạy học hiện đại trong các lớp học để giáo viên áp dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy.

3.5.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

3.6. Tiêu chí 6: Thư viện.

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu hoạt động dạy học của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Thư viện luôn cập nhật trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, sách giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học. Ấn phẩm, sách trong thư viện được sắp xếp khoa học, thân thiện, các đầu sách được xếp theo môn loại giúp giáo viên và học sinh dễ tra cứu, qua đó giáo dục kỹ năng sống và bồi dưỡng kiến thức cho học sinh [H3-3.6-01].

b) Thư viện nhà trường tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh mượn sách báo về nhà nghiên cứu... đáp ứng được yêu cầu giảng dạy, học tập. Hằng năm, thư viện nhà trường tổ chức hội thi viết, vẽ và kể chuyện theo sách, giới thiệu sách theo chủ đề, chủ điểm tạo sự phong phú, đa dạng loại hình hoạt động cho thư viện nhằm thu hút cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh đến thư viện [H3-3.6-02]; [H3-3.6-03].

c) Hằng năm, nhà trường thực hiện kiểm kê thư viện, thanh lý báo tạp chí, sách cũ, hư hỏng; đồng thời sử dụng kinh phí ngân sách và nguồn thu sự nghiệp trang bị thêm sách, báo, tài liệu tham khảo, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo. Ngoài ra, nhà trường còn huy động các mạnh thường quân và học sinh đóng góp, tặng sách để bổ sung tủ sách cho thư viện lớp học [H3-3.6-03]; [H3-3.6-04].

Mức 2:

Thư viện trường đạt tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông theo quy định của Quyết định số 01/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông. Thư viện của nhà trường đạt chuẩn Thư viện trường học xuất sắc năm học 2021-2022 [H3-3.5-08].

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt chuẩn Thư viện trường học xuất sắc. Trong thư viện có 15 máy tính kết nối internet đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của nhân viên, phục vụ nhu cầu của học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên [H3-3.5-08].

3.6.2. Điểm mạnh

Thư viện nhà trường đạt chuẩn Thư viện trường học xuất sắc. Thư viện đã tổ chức nhiều hoạt động đáp ứng tốt nhu cầu hoạt động dạy học của giáo viên và học sinh, nhu cầu nghiên cứu pháp luật, học tập tấm gương Bác Hồ, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn... Hằng năm, thư viện thực hiện công tác kiểm kê, phân loại các đầu sách, có kế hoạch bổ sung sách báo, tạp chí, bản đồ tranh ảnh, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

3.6.3. Điểm yếu

Việc tổ chức các hình thức thư viện thân thiện: thư viện xanh, thư viện ngoài trời còn chưa phong phú, hấp dẫn.

3.6.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo nhân viên thư viện thực hiện tốt việc bổ sung, tăng cường các loại sách báo, tài liệu để phục vụ cho hoạt động nghiên cứu, giảng dạy và học tập của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Nhân viên thư viện có kế hoạch tổ chức nhiều hoạt động hơn với các hình thức thư viện thân thiện: thư viện xanh, thư viện ngoài trời đa dạng, thu hút học sinh.

3.6.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

- Điểm mạnh nổi bật

Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, đảm bảo an ninh trật tự. Các hạng mục xây dựng đảm bảo an toàn và thẩm mỹ, có sân rộng để học sinh vui chơi và tập thể dục.

Trường có đủ phòng học, được trang bị các thiết bị phục vụ cho hoạt động của nhà trường theo quy định của Điều lệ trường tiểu học.

Nhà trường luôn chú trọng việc cải tạo các hệ thống công trình vệ sinh, đảm bảo nhu cầu sinh hoạt của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Nhà trường có hệ thống cấp nước uống, nước sinh hoạt đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh. Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải hợp vệ sinh, đúng quy định.

Thư viện nhà trường đạt chuẩn Thư viện trường học xuất sắc, đáp ứng nhu cầu đọc sách, nghiên cứu của cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh. Đồ dùng, trang thiết bị dạy học đáp ứng nhu cầu tối thiểu cho công tác giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh.

- Điểm yếu cơ bản

Trường **chưa có nhà để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.**

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 6/6

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/6

4. Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Trong những năm học qua, nhà trường đã chú trọng thực hiện công tác phối hợp các lực lượng giáo dục và công tác xã hội hóa giáo dục, huy động các nguồn lực về tinh thần cũng như vật chất trong công tác xây dựng và từng bước nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Sự quan tâm, lãnh đạo từ Đảng ủy, chính quyền địa phương xã Xuân Thới Sơn, sự hỗ trợ của các đoàn thể trên địa bàn và sự phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ tích cực trong mọi hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh đã góp phần thúc đẩy sự nghiệp giáo dục nhà trường từng bước đi lên.

4.1. Tiêu chí 1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

4.1.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Mỗi năm học, nhà trường tổ chức Đại hội cha mẹ học sinh để bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh mỗi lớp và Ban đại diện cha mẹ học sinh toàn trường. Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường gồm 11 thành viên, trong đó có trưởng ban, 02 phó trưởng ban và 08 ủy viên. Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo đúng Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 22 tháng 11 năm 2011 về Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-01].

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh xây dựng kế hoạch và hoạt động theo chương trình cụ thể cho từng năm học [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03].

c) Mỗi năm học, nhà trường tổ chức họp Ban đại diện cha mẹ học sinh và họp toàn thể cha mẹ học sinh 03 lần (đầu năm học, cuối học kỳ I và cuối năm học), nội dung các cuộc họp tập trung vào các vấn đề: triển khai các hướng dẫn đánh giá, xếp loại học sinh tiểu học; tiếp thu ý kiến về công tác quản lý của nhà trường; các biện pháp giáo dục học sinh; giải quyết các kiến nghị của cha mẹ học sinh; góp ý kiến cho hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh; đề ra các giải pháp hỗ trợ, phối hợp giữa nhà trường với Ban đại diện cha mẹ học sinh trong hoạt động giáo dục học sinh và xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục nhà trường [H4-4.1-02].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đến cha mẹ học sinh, huy động học sinh đến trường, vận động học sinh có nguy cơ bỏ học trở lại lớp. Thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục, hỗ trợ công tác thi đua khen thưởng học sinh cuối năm, học bổng đầu năm học, quà Tết cho học sinh khó khăn,... [H4-4.1-04].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Tuy nhiên, còn một vài thành viên Ban đại diện cha mẹ học sinh chưa tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ nên chưa tích cực đóng góp ý kiến xây dựng cho các hoạt động giáo dục của nhà trường [H4-4.1-03].

4.1.2. Điểm mạnh

Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường được thành lập và hoạt động theo đúng quy định của điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Có xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm và thực hiện kế hoạch đúng tiến độ. Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động hỗ trợ về tinh thần và vật chất để nâng cao chất lượng dạy và học.

4.1.3. Điểm yếu

Một vài thành viên trong Ban đại diện cha mẹ học sinh không tham dự đầy đủ các buổi họp định kỳ nên việc đóng góp ý kiến xây dựng cho các hoạt động giáo dục của nhà trường còn hạn chế.

4.1.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 và những năm học tới, Hiệu trưởng tiếp tục phát huy sự phối hợp hiệu quả với Ban đại diện cha mẹ học sinh. Đồng thời, Hiệu trưởng chỉ đạo cho giáo viên chủ nhiệm thường xuyên tuyên truyền, động viên cha mẹ học

sinh tham dự đầy đủ các buổi họp để nắm được mục tiêu giáo dục tiểu học và các hoạt động của nhà trường.

4.1.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

4.2. Tiêu chí 2: Công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

4.2.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường chủ động tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp chặt chẽ các tổ chức, đoàn thể, cá nhân của địa phương trong việc thực hiện các kế hoạch hoạt động giáo dục, phát triển nhà trường [H4-4.2-01].

b) Nhà trường tích cực tham mưu với Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Sơn, phối hợp Đoàn Thanh niên, công an xã,... để xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh trong nhà trường và ở địa phương; phối hợp với chính quyền địa phương giữ gìn trật tự an toàn giao thông trong giờ phụ huynh đưa đón học sinh, giữ gìn vệ sinh môi trường trong và trước cổng trường, xây dựng cổng trường em sạch đẹp, an toàn; tuyên truyền giáo dục học sinh về nếp sống văn minh, mỹ quan đô thị, nhằm xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh trong trường học và ở địa phương [H4-4.2-02].

c) Phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh, nhà trường huy động các nguồn lực của cá nhân, tập thể, vận động cha mẹ học sinh hỗ trợ quỹ khuyến học trên tinh thần tự nguyện để khen thưởng học sinh đạt thành tích nổi bật trong học tập, học sinh có thành tích xuất sắc khác và hỗ trợ học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn tại trường [H1-1.3-11]; [H4-4.1-04]; [H4-4.2-03]; [H4-4.2-04].

Mức 2:

a) Nhà trường luôn chủ động tham mưu với Đảng ủy, chính quyền xã Xuân Thới Sơn về việc thực hiện nhiệm vụ năm học, các biện pháp cụ thể xây dựng trường đạt chuẩn kiểm định chất lượng, các hoạt động giảng dạy và giáo dục, nhằm thực hiện tốt kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03]; [H4-4.2-02].

b) Trong mỗi năm học, nhà trường luôn phối hợp kịp thời với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; tổ chức cho học sinh tham quan, chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; làng nghề ở địa phương [H4-4.2-02]; [H4-4.2-03].

Mức 3:

Nhà trường làm tốt công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền. Công tác phối hợp với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương chưa đạt hiệu quả.

4.2.2. Điểm mạnh

Nhà trường phối hợp tốt với địa phương trong việc xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực về vật chất để hỗ trợ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường.

4.2.3. Điểm yếu

Công tác phối hợp với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương chưa đạt hiệu quả.

4.2.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024, nhà trường tiếp tục thực hiện tốt việc khen thưởng học sinh, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật học hòa nhập trong việc sử dụng các nguồn lực tự nguyện của tổ chức và cá nhân đúng theo quy định. Hiệu trưởng có kế hoạch tham mưu, phối hợp với chính quyền địa phương, đoàn thể xã trong việc xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

4.2.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

- Điểm mạnh nổi bật

Nhà trường đã thực hiện tốt việc phối hợp chặt chẽ 03 môi trường giáo dục: “nhà trường - gia đình - xã hội” trong mọi hoạt động. Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo và hỗ trợ tận tình của cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức và cá nhân ở địa phương trong việc thực hiện các mục tiêu, kế hoạch phát triển trường lớp.

Ban đại diện cha mẹ học sinh nhiệt tình ủng hộ và phối hợp tốt với Hiệu trưởng trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Điểm yếu cơ bản

Công tác phối hợp với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương chưa đạt hiệu quả.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 2/2

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/2

5. Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Trường Tiểu học Nhị Xuân luôn phấn đấu nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Nhà trường không ngừng đầu tư việc xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục tại đơn vị như: hoạt động giáo dục trong giờ lên lớp, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp và công tác phổ cập giáo dục tiểu học. Các hoạt động giáo dục ngày càng đi vào chiều sâu với nhiều hình thức và phương pháp tổ chức đa dạng, phù hợp với đối tượng học sinh, đáp ứng được yêu cầu phát triển của đơn vị. Công tác phổ cập giáo dục tiểu học luôn được thực hiện chặt chẽ theo sự chỉ đạo của ngành và địa phương, luôn tạo mọi điều kiện cho trẻ em, kể cả trẻ có hoàn cảnh khó khăn, trẻ khuyết tật ở địa bàn được đến trường học tập và sinh hoạt thuận lợi.

5.1. Tiêu chí 1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường

Mức 1:

a) Đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;

b) Đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch;

c) Được giải trình và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

Mức 2:

a) *Đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;*

b) *Được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.*

5.1.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường căn cứ vào kế hoạch công tác giáo dục tiểu học của Sở Giáo dục và Đào tạo, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ tiểu học của Phòng Giáo dục và Đào tạo để xây dựng kế hoạch hoạt động chuyên môn cụ thể cho từng năm học, tháng, tuần đáp ứng mục tiêu, chất lượng giáo dục học sinh của nhà trường [H1-1.1-03]; [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02]; [H5-5.1-03].

b) Trường thực hiện dạy đủ các môn học, đúng chương trình và kế hoạch giảng dạy, đảm bảo yêu cầu của chuẩn kiến thức, kỹ năng; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng học sinh theo quy định của bậc học [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02]; [H5-5.1-03].

c) Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục của trường được xây dựng và gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt, đảm bảo công tác lãnh đạo, chỉ đạo chuyên môn đối với hoạt động của trường [H5-5.1-01].

Mức 2:

a) Trường luôn triển khai các thông tin mới, thông tin cập nhật của cơ quan quản lý giáo dục cấp trên cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường được biết và thực hiện [H5-5.1-01].

b) Kế hoạch giáo dục của trường được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh biết và cùng nhà trường thực hiện kế hoạch [H5-5.1-06]; [H5-5.1-07].

5.1.2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục trong 05 năm học vừa qua của nhà trường đảm bảo theo quy định của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện cho học sinh.

5.1.3. Điểm yếu

Việc thực hiện niêm yết công khai nội dung, kế hoạch trong phòng giáo viên để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện còn hạn chế.

5.1.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng tiếp tục đầu tư, đổi mới việc xây dựng kế hoạch giáo dục năm học để các hoạt động giáo dục tại nhà trường phát triển và chất lượng.

Từ năm học 2023-2024, trường công khai đầy đủ kế hoạch giáo dục trên website của trường, ứng dụng công nghệ thông tin (google form, zalo, viber), bản tin, buổi họp cha mẹ học sinh, họp ban ấp,... để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện công tác giáo dục ngày một hiệu quả hơn.

5.1.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

5.2. Tiêu chí 2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường;

c) Thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học.

Mức 2:

a) *Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;*

b) *Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.*

Mức 3:

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

5.2.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Thực hiện đúng kế hoạch, chương trình dạy học, theo chuẩn kiến thức, kỹ năng và định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh; điều chỉnh nội dung dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành một cách hợp lý, phù hợp đặc điểm tâm sinh lý học sinh tiểu học; tích hợp các nội dung giáo dục vào các môn học và hoạt động giáo dục, bảo đảm các điều kiện và triển khai dạy học ngoại ngữ, tin học theo chương trình mới của Bộ GD&ĐT và Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố [H1-1.1-03]; [H1-1.4-06]; [H5-5.1-01]; [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02]; [H5-5.2-03].

b) Nhà trường chú trọng đổi mới phương pháp dạy học theo hướng hiện đại, đẩy mạnh các phương pháp dạy học tích cực: phương pháp “Bàn tay nặn bột”, “Dạy học Mĩ Thuật theo phương pháp mới của Đan Mạch”; phương pháp “Dạy học âm nhạc theo hướng hiện đại”; triển khai mô hình STEM vào hoạt động đổi mới phương pháp dạy học để giáo viên tiếp cận; công tác giáo dục thể chất, giáo dục thẩm mỹ gắn với các hoạt động ngoại khóa, đưa giáo dục văn hóa truyền thống vào nhà trường [H5-5.2-03].

c) Thực hiện đánh giá học sinh tiểu học đúng Thông tư số 30/2014/TT-

BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 và Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 đảm bảo đánh giá đúng sự phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh trong suốt quá trình học [H5-5.2-02]; [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]; [H1-1.6-03].

Mức 2:

a) Giáo viên thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh; thực hiện tích hợp các nội dung giáo dục bảo vệ môi trường, giáo dục biển đảo, giáo dục tiết kiệm năng lượng, giáo dục đạo đức Bác Hồ... phù hợp từng thời điểm, phù hợp với địa phương. Tuy nhiên, trường còn một vài giáo viên hạn chế về hình thức dạy học tích cực hóa người học, phát huy năng lực của người học chưa hiệu quả [H3-3.2-03].

b) Trong 05 năm học vừa qua, giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn (Tin học, Anh văn, Thể dục, Tổng phụ trách Đội) đã phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu để tham gia các hội thi cấp thành phố, quốc gia như: An toàn giao thông cho nụ cười trẻ thơ; tham gia các hội thi cấp thành phố như: Tiếng Anh Olympic, IOE, Trạng Nguyên Tiếng Việt, võ Teakwondo, Nét vẽ xanh; tổ chức phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện ngay trong giờ học [H5-5.2-01].

Mức 3:

Hằng năm, nhà trường thực hiện việc phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhưng chưa góp phần nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

5.2.2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng thời khoá biểu, dạy đủ, đúng phân phối chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo phù hợp với tình hình của lớp và tâm sinh lý lứa tuổi học sinh, đảm bảo tính ổn định trong cả học kỳ, cả năm học.

5.2.3. Điểm yếu

Một vài giáo viên hạn chế về hình thức dạy học tích cực hóa người học, phát huy năng lực của người học chưa hiệu quả, chưa góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của giáo viên, học sinh.

5.2.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024, Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo tổ chuyên môn và giáo viên vận dụng hiệu quả của phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực hóa người học, tổ chức các hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường, nâng cao chất lượng bồi dưỡng học sinh năng khiếu và phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện; phân công phó hiệu trưởng tổ chức tổ chuyên môn hướng dẫn đồng nghiệp đối với các giáo viên còn hạn chế về hình thức dạy học tích cực hóa người học trong các buổi sinh hoạt tổ chuyên môn.

5.2.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

5.3. Tiêu chí 3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác

Mức 1:

a) Đảm bảo theo kế hoạch;

b) Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phong phú, phù hợp điều kiện của nhà trường;

c) Đảm bảo cho tất cả học sinh được tham gia.

Mức 2:

Được tổ chức có hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo.

Mức 3:

Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.

5.3.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Ngoài các hoạt động dạy học, các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp như tham quan học tập ngoại khóa, hội thi, ngày hội, phong trào của Chi đoàn, Đội luôn đảm bảo theo kế hoạch giáo dục của nhà trường đã xây dựng trong từng năm học [H1-1.1-03], [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03]; [H5-5.3-04]; [H5-5.3-05]; [H5-5.3-06].

b) Nhà trường đã tổ chức nhiều hình thức hoạt động ngoài giờ lên lớp phù hợp với lứa tuổi và nhu cầu của học sinh, tạo được sự hứng thú cho các em, góp phần nâng cao chất lượng học tập và rèn luyện đạo đức cho học sinh; cụ thể như: hoạt động văn hóa, văn nghệ, tham quan, hoạt động vui chơi, thể dục thể thao; các lễ hội như: ngày hội trăng rằm, ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, ngày hội môi trường, ngày hội đọc sách, ngày hội ẩm thực [H5-5.3-07]; [H5-5.3-08]; [H5-5.3-09].

c) Tất cả các hoạt động đều thông báo rộng rãi và thu hút số lượng lớn học sinh đăng ký tham gia, mỗi hoạt động nhà trường đều có kế hoạch phân công và huy động lực lượng giáo viên, nhân viên tham gia hỗ trợ [H5-5.3-01]; [H5-5.3-08].

Mức 2:

Nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục có hiệu quả, thu hút học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo. Các hoạt động ngoài giờ lên lớp được giáo viên nhà trường hoặc phối hợp với các trung tâm, các công ty tổ chức xây dựng đều hướng tới các hoạt động giúp học sinh thực hành các nội dung đã học trên lớp, vui chơi bổ ích tăng tính sáng tạo; phù hợp mọi đối tượng học sinh; cha mẹ học sinh tham gia rất nhiệt tình. Một số hoạt động ngoài giờ lên lớp được tổ chức thường xuyên, lồng ghép vào các tiết giáo dục tập thể trong tiết giáo dục tập thể đầu tuần và cuối tuần tại lớp [H5-5.3-08].

Mức 3:

Nội dung và hình thức các hoạt động khi tổ chức chưa chú ý đến nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.

5.3.2. Điểm mạnh

Các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp được nhà trường tổ chức với nhiều hình thức đa dạng, phong phú phù hợp với lứa tuổi học sinh, được đa số cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh của trường tham gia tích cực.

5.3.3. Điểm yếu

Nội dung và hình thức các hoạt động khi tổ chức chưa chú ý đến nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.

5.3.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024, Trường Tiểu học Nhị Xuân tiếp tục phát huy thế mạnh của trường qua việc tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp với nhiều hình thức đa dạng, phong phú phù hợp với nhu cầu, năng lực, sở trường của học sinh. Đồng thời, trường sẽ đưa âm nhạc dân tộc vào giảng dạy cho học sinh nhằm giáo dục các em loại hình âm nhạc truyền thống, mở các lớp bóng rổ, mỹ thuật,... để phát triển toàn diện cho học sinh.

5.3.5 Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

5.4. Tiêu chí 4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học

Mức 1:

- a) Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo phân công;*
- b) Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 90%;*
- c) Quản lý hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng quy định.*

Mức 2:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 95%.

Mức 3:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 98%.

5.4.1 Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp tốt với chuyên trách phổ cập xã trong công tác phổ cập giáo dục tiểu học, các biện pháp thực hiện phù hợp với thực tế tại địa phương và nhà trường nên công tác phổ cập giáo dục đáp ứng được yêu cầu chung [H5-5.4-01]. Tuy nhiên, các biện pháp giáo dục, hỗ trợ học sinh khuyết tật học hòa nhập của giáo viên còn hạn chế.

b) Nhà trường thực hiện tốt công tác tuyển sinh, phối hợp với địa phương rà soát, vận động, đưa trẻ ra lớp đúng chỉ tiêu của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn phân bổ, kế hoạch tuyển sinh được thông báo đến địa phương, giấy gọi học sinh ra lớp được gửi đến từng hộ dân trong địa bàn theo danh sách điều tra của chuyên trách phổ cập xã, đảm bảo 100% trẻ trong độ tuổi ra lớp [H5-5.4-01]; [H1-5.4-02]; [H5-5.4-03].

c) Trường thực hiện quản lý hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng theo quy định [H5-5.4-05].

Mức 2:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%. [H5-5.4-03].

Mức 3:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100% [H5-5.4-03].

5.4.2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; tổ chức tốt “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường”, tạo được sự đồng tình, hưởng ứng tốt từ cha mẹ học sinh. Vì vậy, tỷ lệ trẻ 6 tuổi trên địa bàn vào lớp 1 đạt 100%.

5.4.3. Điểm yếu

Các biện pháp giáo dục, hỗ trợ học sinh khuyết tật học hòa nhập của giáo viên

còn hạn chế.

5.4.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm 2021-2022, nhà trường tiếp tục phối hợp chặt chẽ với địa phương, các cơ quan đoàn thể trên địa bàn thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục, duy trì tỷ lệ học sinh 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%; tạo mọi điều kiện thuận lợi để học sinh có hoàn cảnh khó khăn được đến lớp, học sinh khuyết tật được học hòa nhập.

Hiệu trưởng tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo Hóc Môn, mở các lớp bồi dưỡng về công tác giáo dục hòa nhập cho giáo viên, phụ huynh học sinh của trường để giáo viên, phụ huynh có phương pháp giáo dục các em tốt hơn, hiệu quả hơn.

5.4.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

5.5. Tiêu chí 5: Kết quả giáo dục

Mức 1:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 70%;*
- b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 65%;*
- c) Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%.*

Mức 2:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 85%;*
- b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.*

Mức 3:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 95%;*

b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

5.5.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, trường thống kê kết quả học tập và rèn luyện của học sinh sau mỗi học kỳ và cuối năm, các số liệu thống kê đầy đủ, chính xác theo từng khối lớp và toàn trường, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học các năm đạt 97% trở lên [H2-2.4-03]; [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].

b) Trong những năm học qua, tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học của nhà trường luôn đạt 95% trở lên [H2-2.4-03]; [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].

c) Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học các năm học đều đạt 100% [H5-5.5-02].

Mức 2:

a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học trong những năm qua đạt 97% trở lên [H2-2.4-03]; [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].

b) Nhà trường có tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 95% trở lên [H2-2.4-03]; [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].

Mức 3:

a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học trong những năm qua luôn đạt trên 97% [H2-2.4-03]; [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].

b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đảm bảo trên 95% [H2-2.4-03]; [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].

5.5.2. Điểm mạnh

Kết quả xếp loại giáo dục của học sinh trong nhà trường được giữ vững và ổn định qua nhiều năm, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt kết quả cao.

5.5.3. Điểm yếu

Mỗi năm, nhà trường còn học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học.

5.5.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục giữ vững và phát huy kết quả xếp loại giáo dục của học sinh. Trong năm học 2023-2024, Hiệu trưởng chỉ đạo tổ chuyên môn và giáo viên không ngừng đổi mới phương pháp giảng dạy, tăng cường trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm về phụ đạo học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học, nhằm nâng cao hơn nữa tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học và học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học.

5.5.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Kết luận về tiêu chuẩn 5

- Điểm mạnh nổi bật:

Kế hoạch giáo dục của trường đảm bảo theo quy định của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và các hoạt động giáo dục khác đảm bảo theo kế hoạch và mục tiêu giáo dục toàn diện.

Nhà trường đã phối hợp tốt với Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Sơn hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; luôn quan tâm đến việc giúp đỡ học sinh chậm tiến bộ, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có nguy cơ bỏ học. Nhờ vậy, hiệu quả đào tạo luôn ổn định và từng bước được nâng cao, tạo được sự tin nhiệm từ các cấp và cha mẹ học sinh về chất lượng giáo dục.

- Điểm yếu cơ bản

Một vài giáo viên hạn chế về hình thức dạy học tích cực hóa người học, phát huy năng lực của người học chưa hiệu quả, chưa góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của giáo viên, học sinh.

Trường còn học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học hàng năm.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 5/5

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/5

Phần III

KẾT LUẬN CHUNG

- Tự đánh giá các tiêu chí Mức 1:

+ Số lượng các tiêu chí đạt: 27/27 Tỷ lệ: 100%

+ Số lượng các tiêu chí không đạt: 0/27 Tỷ lệ: 0%

- Tự đánh giá các tiêu chí Mức 2:

+ Số lượng các tiêu chí đạt: 15/27 Tỷ lệ: 55,56%

+ Số lượng các tiêu chí không đạt: 12/27 Tỷ lệ: 44,44%

- Tự đánh giá các tiêu chí Mức 3:

+ Số lượng các tiêu chí đạt: 06/19 Tỷ lệ: 31,58%

+ Số lượng các tiêu chí không đạt: 13/19 Tỷ lệ: 68,42%

- Mức đánh giá của Trường Tiểu học Nhị Xuân: Mức 1;

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học, Trường Tiểu học Nhị Xuân đề nghị công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1.

Học Môn, ngày 25 tháng 5 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Tô Ngọc Thúy

Phần IV
PHỤ LỤC
BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường.	Năm học 2015-2020 Năm học 2020-2025	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.1-02]	Hình ảnh về niềm yết Kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường	Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Quyết định công nhận Hội đồng trường.	Số 75/QĐ-GDĐT ngày 22/9/2017 Số 86/QĐ-GDĐT ngày 21/10/2021	Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.2-02]	Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

	3	[H1-1.2-03]	Quyết định thành lập Thi đua khen thưởng.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	4	[H1-1.2-04]	Sở hợp Hội đồng trường, Hội đồng sư phạm.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hội đồng trường	Thư kí Hội đồng trường
Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	Quyết định thành lập Chi bộ Trường Tiểu học Nhị Xuân.	Số 01-QĐ/ĐU ngày 18/01/2010	Đảng ủy xã Xuân Thới Sơn	Bí thư chi bộ
	2	[H1-1.3-02]	Quyết định công nhận Ban Chấp hành Công đoàn.	Nhiệm kỳ 2019-2023 Nhiệm kỳ 2023-2028	Liên đoàn Lao động huyện Hóc Môn	Chủ tịch Công đoàn
	3	[H1-1.3-03]	Quyết định công nhận Ban Chấp hành Chi đoàn.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Ban chấp hành Đoàn xã Xuân Thới Sơn	Bí thư Chi đoàn

	4	[H1-1.3-04]	Quyết định thành lập Ban Chỉ huy Liên đội.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hội đồng Đội huyện Hóc Môn	Tổng phụ trách Đội
	5	[H1-1.3-05]	Kết quả xếp loại các đoàn thể nhà trường.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Công đoàn, Chi đoàn, Liên đội	Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Chi đoàn, Tổng phụ trách Đội
	6	[H1-1.3-06]	Báo cáo tổng kết của các đoàn thể.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Công đoàn, Chi đoàn, Liên đội	Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Chi đoàn, Tổng phụ trách Đội
	7	[H1-1.3-07]	Sở hợp Chi bộ.	Năm 2019 Năm 2020 Năm 2021 Năm 2022 Năm 2023	Chi bộ	Bí thư chi bộ

		[H1-1.3-08]	Quyết định đánh giá, phân loại chất lượng tổ chức cơ sở Đảng.	Năm 2019 Năm 2020 Năm 2021 Năm 2022 Năm 2023	Đảng uỷ xã Xuân Thới Sơn	Bí thư Chi bộ
	9	[H1-1.3-09]	Hình ảnh hoạt động của Công đoàn.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Công đoàn	Chủ tịch Công đoàn
	10	[H1-1.3-10]	Hình ảnh hoạt động của Chi đoàn, Liên đội.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Chi đoàn, Liên đội	Bí thư Chi đoàn, Tổng phụ trách Đội
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng.	Số 1603/QĐ-UBND ngày 17/3/2020 Số 6539/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.4-02]	Quyết định phân công tổ chuyên môn, tổ văn phòng.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

				Năm học 2022-2023		
3	[H1-1.4-03]	Quyết định bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó chuyên môn và tổ trưởng, tổ phó tổ văn phòng.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng	
4	[H1-1.4-04]	Kế hoạch hoạt động theo tuần, tháng, năm học của tổ chuyên môn và tổ văn phòng.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Tổ trưởng chuyên môn, tổ văn phòng	Phó Hiệu trưởng	
5	[H1-1.4-05]	Biên bản họp tổ chuyên môn.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Tổ trưởng chuyên môn	Phó Hiệu trưởng	
6	[H1-1.4-06]	Biên bản họp tổ văn phòng.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Tổ trưởng tổ văn phòng	Nhân viên Văn thư	
7	[H1-1.4-07]	Hồ sơ tổ chức các chuyên đề chuyên môn.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	

				Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023		
	8	[H1-1.4-08]	Báo cáo sơ kết học kỳ 1 và cuối năm học.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	9	[H1-1.4-09]	Báo cáo tháng của các bộ phận.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Các bộ phận	Phó Hiệu trưởng
	10	[H1-1.4-10]	Hình ảnh các hoạt động ngoài giờ lên lớp.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Tổng phụ trách Đội	Tổng phụ trách Đội
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Bảng tổng hợp thông tin về các lớp theo từng năm học.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Nhân viên Văn thư	Phó Hiệu trưởng

	2	[H1-1.5-02]	Sổ chủ nhiệm giáo viên.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Giáo viên	Phó Hiệu trưởng
	3	[H1-1.5-03]	Biên bản bầu Ban cán sự lớp.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Giáo viên	Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.6	1	[H1-1.6-01]	Sổ đăng bộ.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Học vụ	Học vụ
	2	[H1-1.6-02]	Sổ phổ cập giáo dục tiểu học.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Chuyên trách giáo dục xã Xuân Thới Sơn	Hiệu trưởng
	3	[H1-1.6-03]	Học bạ.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Học vụ	Học vụ

				Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023		
	4	[H1-1.6-04]	Sổ theo dõi, quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Nhân viên Văn thư	Nhân viên Văn thư
	5	[H1-1.6-05]	Hình ảnh chương trình PMIS	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Nhân viên Văn thư	Nhân viên Văn thư
	6	[H1-1.6-06]	Sổ khen thưởng.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Nhân viên Văn thư
	7	[H1-1.6-07]	Sổ quản lý tài sản; sổ theo dõi công cụ, dụng cụ, vật rẻ tiền mau hỏng.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Nhân viên Kế toán	Nhân viên Kế toán

	8	[H1-1.6-08]	Sổ công văn đến.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Nhân viên văn thư	Nhân viên Văn thư
	9	[H1-1.6-09]	Sổ công văn đi.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Nhân viên Văn thư	Nhân viên Văn thư
	10	[H1-1.6-10]	Biên bản kiểm tra tài chính.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Hóc Môn	Nhân viên Kế toán
	11	[H1-1.6-11]	Hồ sơ Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Ban chấp hành Công đoàn	Chủ tịch Công đoàn
	12	[H1-1.6-12]	Báo cáo của Ban Thanh tra nhân dân.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Ban Thanh tra nhân dân	Trưởng ban Thanh tra nhân dân

				Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023		
	13	[H1-1.6-13]	Biên bản thanh lý tài sản.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Nhân viên Kế toán
	14	[H1-1.6-14]	Hình chụp trang thông tin điện tử trường.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Nhân viên Văn thư	Nhân viên Văn thư
Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.7-02]	Giấy chứng nhận Bồi dưỡng thường xuyên của giáo viên.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phòng Giáo dục và Đào tạo Hóc Môn	Nhân viên Văn thư

	3	[H1-1.7-03]	Giấy chứng nhận các lớp bồi dưỡng tổ trưởng chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Cơ quan Quản lý giáo dục	Nhân viên Văn thư
	4	[H1-1.7-04]	Giấy chứng nhận bồi dưỡng của cán bộ quản lý.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhân viên Văn thư
	5	[H1-1.7-05]	Bảng thống kê trình độ cán bộ, giáo viên, nhân viên.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Nhân viên Văn thư	Nhân viên Văn thư
	6	[H1-1.7-06]	Hồ sơ cán bộ, giáo viên, nhân viên.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Nhân viên Văn thư
	7	[H1-1.7-07]	Hồ sơ hợp đồng, tuyển dụng.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Nhân viên Kế toán

				Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023		
	8	[H1-1.7-08]	Quy chế chi tiêu nội bộ.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Nhân viên Kế toán
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	2	[H1-1.8-02]	Kế hoạch ngoài giờ lên lớp.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	3	[H1-1.8-03]	Danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Ủy ban nhân dân thành phố	Nhân viên Văn thư

Tiêu chí 1.9	1	[H1-1.9-01]	Quy chế dân chủ cơ sở.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.9-02]	Báo cáo thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	3	[H1-1.9-03]	Biên bản giám sát của Thanh tra nhân dân.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	Kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.10-02]	Phương án chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Phòng cảnh sát chữa cháy huyện	Hiệu trưởng

				Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023		
	3	[H1-1.10-03]	Kế hoạch thực hiện việc đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm trong trường học.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	4	[H1-1.10-04]	Kế hoạch phòng, chống ma túy.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2016-2017	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	5	[H1-1.10-05]	Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	6	[H1-1.10-06]	Quy chế phối hợp an ninh trật tự tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn phường.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Công an xã Xuân Thới Sơn	Hiệu trưởng

				Năm học 2022-2023		
7	[H1-1.10-07]	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm cung cấp suất ăn học sinh.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phòng y tế huyện Hóc Môn Cục Y tế	Nhân viên Y tế	
8	[H1-1.10-08]	Giấy xét nghiệm nguồn nước.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Bệnh viện Paster	Nhân viên Y tế	
9	[H1-1.10-09]	Giấy chứng nhận cấp dưỡng bảo mẫu đủ điều kiện sức khỏe và được tập huấn về an toàn thực phẩm.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	TTYTDP huyện Hóc Môn	Nhân viên Y tế	
10	[H1-1.10-10]	Quyết định công nhận trường học an toàn.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	CT UBND huyện Hóc Môn	Nhân viên Y tế	
11	[H1-1.10-11]	Hộp thư góp ý.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Hiệu trưởng	Tổng phụ trách	

				Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023		
	12	[H1-1.10-12]	Kế hoạch tọa đàm lắng nghe tiếng nói học sinh.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Tổng phụ trách Đội	Tổng phụ trách Đội
Tiêu chí 2.1	1	[H2-2.1-01]	Hồ sơ viên chức của Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Nhân viên Văn thư
	2	[H2-2.1-02]	Kết quả đánh giá, xếp loại Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng hàng năm.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn	Hiệu trưởng
	3	[H2-2.1-03]	Hồ sơ đánh giá Chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn	Nhân viên Văn thư

	4	[H2-2.1-04]	Bảng lý luận chính trị và quản lý hành chính nhà nước.	Năm 2019 Năm 2020 Năm 2021 Năm 2022 Năm 2023	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Hóc Môn	Nhân viên Văn thư
	5	[H2-2.1-05]	Giấy chứng nhận lớp cán bộ quản lý.	Năm 2003 Năm 2014	Trường Cán bộ quản lý	Nhân viên Văn thư
Tiêu chí 2.2	1	[H2-2.2-01]	Quyết định phân công Tổng phụ trách Đội.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Nhân viên Văn thư
	2	[H2-2.2-02]	Văn bằng, chứng chỉ chuyên môn của giáo viên.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Cơ quan quản lý Giáo dục và Đào tạo	Nhân viên Văn thư
	3	[H2-2.2-03]	Hồ sơ đánh giá Chuẩn nghề nghiệp giáo viên.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí 2.3	1	[H2-2.3-01]	Văn bằng của nhân viên.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Cơ quan quản lý Giáo dục và Đào tạo	Nhân viên Văn thư
	2	[H2-2.3-02]	Hồ sơ đánh giá xếp loại nhân viên.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Nhân viên Văn thư
	3	[H2-2.3-03]	Quyết định giao biên chế nhà trường.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn	Nhân viên Kế toán
Tiêu chí 2.4	1	[H2-2.4-01]	Danh sách học sinh các lớp.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Nhân viên Văn thư
	2	[H2-2.4-02]	Thống kê phẩm chất, năng lực học sinh.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng

				Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023		
	3	[H2-2.4-03]	Sổ theo dõi kiểm tra, đánh giá học sinh.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Giáo viên	Phó Hiệu trưởng
	4	[H2-2.4-04]	Danh sách học sinh được khen thưởng.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó Hiệu trưởng	Nhân viên Văn thư
Tiêu chí 3.1	1	[H3-3.1-01]	Ảnh chụp khuôn viên có cây xanh trong trường.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Tổng phụ trách	Tổng phụ trách
	2	[H3-3.1-02]	Ảnh chụp cổng trường, hình ảnh mặt trước của sảnh trường.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Tổng phụ trách	Tổng phụ trách

	3	[H3-3.1-03]	Sơ đồ tổng thể và từng khu của nhà trường.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 3.2	1	[H3-3.2-01]	Biên bản kiểm kê tài sản.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Nhân viên Kế toán
	2	[H3-3.2-02]	Hình ảnh lớp học.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Tổng phụ trách	Tổng phụ trách
Tiêu chí 3.3	1	[H3-3.3-01]	Hình ảnh các phòng chức năng.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Tổng phụ trách	Tổng phụ trách
	2	[H3-3.3-02]	Hình ảnh phòng họp Hội đồng sư phạm.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Tổng phụ trách	Tổng phụ trách

				Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023		
	3	[H3-3.3-03]	Hình ảnh nhà xe giáo viên.	Năm học 2022-2023	Tổng phụ trách	Tổng phụ trách
Tiêu chí 3.4	1	[H3-3.4-01]	Sơ đồ khu nhà vệ sinh của nhà trường.	Năm học 2022-2023	Phó Hiệu trưởng	Nhân viên Y tế
	2	[H3-3.4-02]	Hợp đồng cung cấp nước uống đóng bình.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó Hiệu trưởng	Nhân viên Kế toán
	3	[H3-3.4-03]	Hợp đồng thu gom rác.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hợp tác xã Bảo Tín, Hóc Môn	Nhân viên Kế toán
Tiêu chí 3.5	1	[H3-3.5-01]	Ảnh chụp máy móc, thiết bị phòng học.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Nhân viên Thiết bị	Nhân viên Thiết bị

	2	[H3-3.5-02]	Hợp đồng và hóa đơn thanh toán tiền dịch vụ Internet.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Nhân viên Kế toán	Nhân viên Kế toán
	3	[H3-3.5-03]	Ảnh chụp phòng thiết bị.	Năm học 2022-2023	Nhân viên Thiết bị	Nhân viên Thiết bị
	4	[H3-3.5-04]	Danh mục thiết bị dạy học của nhà trường.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Nhân viên Thiết bị	Nhân viên Thiết bị
	5	[H3-3.5-05]	Biên bản kiểm kê thiết bị.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Nhân viên Thiết bị	Nhân viên Thiết bị
	6	[H3-3.5-06]	Sổ lưu chứng từ mua đồ dùng dạy học.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Nhân viên Thiết bị	Nhân viên Thiết bị

	7	[H3-3.5-07]	Kế hoạch hoạt động Thư viện-thiết bị.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Nhân viên Thư viện - Thiết bị	Nhân viên Thư viện - Thiết bị
	8	[H3-3.5-08]	Hồ sơ công nhận thư viện trường.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố	Nhân viên Thư viện
Tiêu chí 3.6	1	[H3-3.6-01]	Danh mục các loại sách, báo, tài liệu.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Nhân viên Thư viện	Nhân viên Thư viện
	2	[H3-3.6-02]	Sổ theo dõi việc cho mượn sách.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Nhân viên Thư viện	Nhân viên Thư viện
	3	[H3-3.6-03]	Danh mục sách báo, tài liệu được bổ sung cho thư viện nhà trường hàng năm.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Nhân viên Thư viện	Nhân viên Thư viện

				Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023		
	4	[H3-3.6-04]	Hoá đơn mua sách báo hoặc phiếu xuất, nhập kho.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Nhân viên Thư viện	Nhân viên Thư viện
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Biên bản các cuộc họp Cha mẹ học sinh các lớp.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H4-4.1-02]	Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	3	[H4-4.1-03]	Hình ảnh sản phẩm đóng góp của cha mẹ học sinh.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Quyết định thành lập Hội đồng Giáo dục xã.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hội đồng Giáo dục xã Xuân Thới Sơn	Hiệu trưởng
	2	[H4-4.2-02]	Nghị quyết chi bộ.	Năm 2019 Năm 2020 Năm 2021 Năm 2022 Năm 2023	Bí thư chi bộ	Bí thư chi bộ
	3	[H4-4.2-03]	Danh sách phụ huynh học sinh đóng góp các công trình.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Ban đại diện Cha mẹ học sinh	Hiệu trưởng
	4	[H4-4.2-04]	Danh sách học sinh nhận học bổng.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Tổng phụ trách	Tổng phụ trách
Tiêu chí 5.1	1	[H5-5.1-01]	Kế hoạch hoạt động chuyên môn theo từng năm học, học kỳ, tháng, tuần.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng

				Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023		
	2	[H5-5.1-02]	Kế hoạch chuyên môn các tổ.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Tổ trưởng	Phó Hiệu trưởng
	3	[H5-5.1-03]	Kế hoạch giảng dạy hàng tuần.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Giáo viên	Phó Hiệu trưởng
	4	[H5-5.1-04]	Kế hoạch bài dạy của giáo viên.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Giáo viên	Phó Hiệu trưởng
	5	[H5-5.1-05]	Kế hoạch phụ đạo học sinh.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng

	6	[H5-5.1-06]	Kế hoạch công khai.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	7	[H5-5.1-07]	Biên bản góp xây dựng các kế hoạch.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 5.2	1	[H5-5.2-01]	Thời khóa biểu.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	2	[H5-5.2-02]	Hệ thống quản lý giáo dục (cổng điện tử).	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Nhân viên Văn thư	Nhân viên Văn thư
	3	[H5-5.2-03]	Kế hoạch chuyên đề.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng

				Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023		
Tiêu chí 5.3	1	[H5-5.3-01]	Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp của nhà trường.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	2	[H5-5.3-02]	Kế hoạch tổ chức giáo dục, rèn luyện các kỹ năng sống phù hợp với độ tuổi học sinh.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	3	[H5-5.3-03]	Kế hoạch giáo dục thể chất.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	4	[H5-5.3-04]	Giáo án rèn kỹ năng sống.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng

	5	[H5-5.3-05]	Giáo án ngoài giờ lên lớp của giáo viên.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Giáo viên	Phó Hiệu trưởng
	6	[H5-5.3-06]	Hình ảnh học sinh tham quan.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Tổng phụ trách	Tổng phụ trách
	7	[H5-5.3-07]	Hình ảnh các hoạt động ngoại khóa tại trường.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Tổng phụ trách	Tổng phụ trách
	8	[H5-5.3-08]	Báo cáo tổng kết các hoạt động ngoại khóa.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Các bộ phận	Các bộ phận
	9	[H5-5.3-09]	Quyết định thành lập câu lạc bộ văn thể mỹ.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng

				Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023		
	1	[H5-5.4-01]	Kế hoạch phổ cập giáo dục tiểu học của địa phương.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Sơn	Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 5.4	2	[H5-5.4-02]	Kế hoạch thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học của nhà trường.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	3	[H5-5.4-03]	Kế hoạch tuyển sinh.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	4	[H5-5.4-04]	Hồ sơ miễn giảm học 2 buổi/ngày.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Nhân viên Kế toán

	5	[H5-5.4-05]	Hồ sơ phổ cập trường.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 5.5	1	[H5-5.5-01]	Bảng thống kê kết quả đánh giá, xếp loại học sinh hàng năm.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	2	[H5-5.5-02]	Hồ sơ xét duyệt học sinh hoàn thành lớp học-kiểm tra lại-ở lại; xét duyệt hoàn thành chương trình tiểu học.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng